

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|----------------------|
| — Trước thời cụt. | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Ngồi trong cửa sổ (truyện ngắn của Giraudoux) | LÊ HUY VÂN dịch |
| — Hiến pháp Trung-hoa. | PHAN ANH |
| — Hoài vọng của lý-trí. | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Danh văn ngoại quốc : Hai bài phú của Tô đông Pha. | TÔN QUANG PHIỆT dịch |
| — Điều tra nhỏ : Bước hưng vong của một tiểu công nghệ, pháo Bình-đà. | PHAN MỸ |
| — Những bước đi ngang (truyện dài) | ĐỖ ĐỨC THU |
| — Đọc sách mới. | L. H. V. |
| — Việc quốc tế. | Đ. Đ. Đ. |
| — Đời sống Đông-dương : Vấn đề giao-thông và vận-tải | VŨ ĐÌNH HÒE |

NĂM THỨ BA: SỐ 56 — NGÀY 4 MARS 1944

BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 11 Mars 1944

- Việc học thanh niên trong khi tản cư
- Điều tra : Đời sống ở Bắc-Liêu
- Nghiên cứu về Nguyễn Du và truyện Kiều.
- Ngồi trong cửa sổ (truyện ngắn tiếp theo).
- Mục đích và chương trình truyền bá vệ sinh và phổ
thông y học ở thôn quê.
- Chính phủ can thiệp vào kinh-tế.
- Danh van ngoại quốc : Phải có một lý tưởng.
- Những bước đi ngang (tiếp theo)

Vũ đình Hoè
Tạ như Khuê

Đình gia Trình
Lê huy Vân dịch

Nguyễn trinh Cơ
Vũ văn Hiến
Phan Quân dịch
Đỗ đức Thu

Ô-TÔ NHÀ LẦU...

CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH
SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI
BỎ 1 \$ 00 MUA
VÉ SỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Các người không thể trở lại cái thời
cũ được. Các người hãy một lòng hợp
tác để đợi cuộc hòa bình, đừng để
trong nước rối ren. Chính-phủ phải
được nhân-dân trọng vọng mà tuân
theo.

MỚI PHÁT HÀNH :

của TOÀN ANH

PHONG LƯU DỒNG RUÔNG

Một tập khảo-cứu phong-phủ về các phong-tục và thú chơi tao-nhã của ta ở các vùng quê xé
Bác : Ném pháo, thổi cơm thi, hát quan họ, v. v...
Vết tích của bao nhiêu vẻ đẹp hầu tàn của đất nước.



Bản thường 2 \$ 50
Bản giấy Nhì-Nùng .. 10, 00

ANH HOA

69, Hàng Than, 69 — HANOI



TỔNG PHÁT HÀNH TRONG TOÀN XỨ
Nhà sách MINH ĐỨC — THAI BÌNH

TRƯỚC THỜI CỤC

Những đổi thay bất ngờ và phũ phàng dồn dập ở chung quanh. Mỗi, bốn khoản của những tấm lòng nặng vì nghĩa vụ và luôn luôn bị kích thích vì thời sự càng tăng lên đến cực điểm. Trước một ngã ba, muốn tìm một ngã đi cho phải đạo... Há phải thân lau n nhiên mình theo ngàe gió !..

... Xưa Úc-Trai vĩnh biệt cha, bốn khoản đi tìm mình chủ. Muốn ngàn nguy hiểm không đủ làm sờn lòng kẻ tráng sĩ mang lòng hận nước.

*
* *

Cái chết không đáng sợ nhưng nên sợ cái chết uổng...

Nhờ vả không phải không cần nhưng còn mong chỗ người thực bụng..
Thuyết «Hợp-tung» của Tô-Tần thực hay về nguyên tắc..

... Không rút rút nhưng thận trọng... Làm sao cho mình miễn đề khỏi hối tiếc về sau ?..

Ném dơ, nhện nhục chừa dể ai bằng Việt Cầu-Tiền. Xong nhục đề quyết tới thành công. Ấu cũng đành lòng...

*
* *

Vả cũng còn cần phải tự rèn lấy một tinh thần cứng mạnh mặc dầu xác thịt trơ trọi và yếm hèn... Hoàn toàn ỷ lại là thất sách ! Dù sao cho đôi phần cần sừng, kẻ giúp và người mong..

Tự giúp lấy mình, thời cơ sẽ là tay hậu thuẫn đắc lực...

*
* *

Điều khó là biết chờ thời và biết nhận xét... Phải rắn lòng gắng, đợi. Biết sửa soạn ngày mai... Cơ-hội ở đâu đây... Không hấp tấp. Hăng hái mà không hăm hở. Hoạt động không là múa may khuấy rối.

Đỗ Đức Dục

L.T.S. — Jean Giraudoux là một nhà văn hào Pháp hiện đại mới mất ngày 2 Février 1944. Nhân dịp này báo Thanh-Nghị đăng bản dịch một chương ngắn của ông để giới thiệu cùng bạn đọc.

Nhưng trước hết chúng ta cũng nên biết qua tiểu-sử của ông.

Jean Giraudoux sinh năm 1882 ở quận Bellac miền Trung nước Pháp.

Sau khi học ở trường Gao-Ding St-Phygen và du lịch qua các nước Đức và Hoa-Kỳ, ông nhập tịch bộ ngoại-giao, sang vào chức Giám-Đốc Công-Vụ « *Ouvres francaises à l'étranger* ». Ông trước tác cũng khá nhiều, từ truyện ngắn phần nhiều là những tiểu thuyết: *Simone le Pathétique* (1918), *Adorable Clip* (1920), *Suzanne et le Pacifique* (1921) và nhất là *Siegfried et le Limousin* (1922) trong đó cái văn tài-tán-kỳ của ông đã phát-triển đến cực điểm. Ngoài ra còn những cuốn chuyện: *Elpenor* (1919), *Juliette au pays des hommes* (1924), *Belle* (1925), *Eglantine* (1927) và *Sorcière* (1928), và hai bản kịch rất được hoan nghênh: một bản kịch cuốn *Siegfried et le Limousin* ra (1923) và bản *Son Amphitryon* 38 (1929).

Jean Giraudoux là một nhà văn có thể hiểu biếu cho văn chương Pháp ngày nay. Văn ông phóng túng nhẹ nhàng, đượm cái tinh thần rí rỏm của người Pháp ngày nay, phóng phất, có cái uyển thâm rí rỏm nhà thơ học. Người ta thường liệt ông vào các nhà viết sách chuyển hồn thơ từ văn bản sang văn xuôi, kiểu như Alain Fournier. Một nhà phê-bình có danh ở nước Pháp hiện đại, ông André Rousseaux đó, nói rằng đọc sách của J. Giraudoux ông bằng như đọc thơ. Ông viết *Primavera* và *Belle* cho người Ý nữ giới hiện nay đi trên cánh đồng cỏ.

Primavera là nu cuối của một mùa xuân tươi trẻ nhất, giữa cái thời khắc mong manh mùa đông say nghiệt đương tan chảy, giữa cái lúc các điều dự ước còn đương ra hoa—hình ảnh đó là cái tâm lý thật vi, hiếm có nhất trên đời mà cũng lại xa hoa long lẫy nhất ấy chính là lúc mà ta còn phải làm đủ các việc, là lúc ta chẳng thiếu một thức gì, là lúc việc gì cũng có thể làm được mà cái thế giới người ta đưa cho đưa trả, chẳng thiếu một vật gì, là lúc trên giới quang đãng chưa có một sợi mây bốc lên. Lúc đó buồn rầu cũng giữ vẻ mặt trong sáng. Không phải là tiếng bão táp, tiếng gió to mà chính là không gian rùng mình, giới thẳm rung động trơ trọi như hồn mùa xuân. Một cảm thấy điều gì làm cho thiếu nữ và hoa phải rùng mình e ngại lo cuộc đời mai-hậu vì vừa có kẻ thêm kín đáo hay rằng cuộc sống trên trần thế chỉ là sự ảo giác cho cái chết muôn

Ngôi trong của số

TRUYỆN NGẮN CỦA GIRAUDOUX

== LÊ HUY VĂN dịch ==

Dịch văn Giraudoux là một việc cực kỳ khó. Là một trong các văn của tiểu sinh có cái tinh vi nhất của văn Pháp: những hình ảnh đột ngột, những lộng-ngữ tài tình. Cũng trong những cuốn sách của ông viết và sau thì sự tinh vi đó càng lên đến cùng cực, không thể nào dịch ra nổi. Cho nên chúng tôi phải chọn một bài văn trong cuốn *PROVINCIALES* (Ở tỉnh nhỏ) là cuốn sách ông viết đầu tiên để đem dịch (1913).

I

Đương trường là khô rơi ngay như quả chín hay rơi không tiếng động như hoa héo. Lá cây aubres, ở bờ suối, rụng vào buổi trưa những vì lá cụt tươi lại bị vương ở chim bồ, nên xuống đến đất chỉ trước mặt giới có một tí. Giờ đó là giờ người xây lùa mở cửa đập; suối đầy nước cuốn lá đi cùng với nước động trong lổ. Nước quên hẳn chẳng biết mình ở cõi xây mà ra hay ở mưa xuống. Rồi chiếc lá khô lẫn mãi ở đấy vì chỉ có lá tươi là nổi. Lại còn lá cây lierre, màu vỏ cây, dính vào thân cây rồi dần dần ăn vào ruột. Lại có thứ lá tối đến mới rơi, đứng vào cảnh, ngăn ngại đứng đứng rồi lại hạ đi, nhưng vì sợ đất thực các cây nên càng làm rậm rậm. Chỉ có lá tremble là rơi chóng như một cục nặng, mất cả màu bạc. Nhưng hôm đó, chính lá ấy cũng rụng từ từ. Nằm trong giường tôi nghe chúng rụng, nhìn thấy chúng rụng. Mùa thu dài dưới gốc tilleul như tấm lưới lụa đỏ tiếng rơi. Tôi lấy làm lạ sao chim còn xuống tới đất.

Tôi càng lấy làm lạ sao người ta chẳng rõ to mào bệnh gh. Thân-thể một đứa bé lên mười tuổi tất dần-dị như thân-thể con búp-bê. Tôi chỉ ăn sữa những con bò nhà tôi biết tên; ăn thịt những con bê chơi với tôi ngày trước. Bệnh của tôi ở trong hàng tổng mà ra vì tôi chưa đi chơi xa bao giờ. Thế mà ông lang không biết là bệnh giả vẫn cứ

chứa. Căn nguyên bệnh của tôi chẳng ở gió mây, mướt hào lay ác vết để ông ta chứa. Ông ta ghét giận tôi, cho là tại tôi mà ông ta không chữa nổi, gặt gông cả với người coi người ốm. Cha tôi cũng chẳng lành hơn; ngài cầm cổ tay tôi hết sức chần mạch, đem so với mạch chiếc đồng hồ quả quít vừa đều, vừa khỏe; hai động-lực ganh nhau một phút rồi máu tôi chứa đầy chốc phi nước đại để chủ đồng hồ bước một chỉ giờ đã thua lại một.

Bệnh tôi không tên, tôi không biết nên kiêu hay ến hồ.

Chỉ có cụ Urbaine chăm nom cho tôi là chẳng ngần ngại, đoán ngay được những nông nổi tại sao mua lớn, tại sao có linh chầy qua, có sức vật mắc bệnh. Cụ tự mẫn về những lời đoán của mình. Cụ giảng : Tại lẽ gì mà cậu ấy ốm ? Chỉ tại cậu ấy không chớp mắt bao giờ. Mắt cậu mở chừng chừng như anh mù. Một đứa trẻ ngần này tuổi đầu, nào có phải gả đầu, phải chớp mắt luôn luôn mới phải. Cha tôi mỉm cười. Cụ nổi giận nói cộc :

— Thế đã thôi à ; nếu cứ để nguyên, cổ cậu ấy rồi đến mọc bừu.

Tôi sợ mọc bừu nên ngoan ngoãn, yên lặng, vắng lời. Tôi đã trông thấy ở ngoài chợ, bừu trên cổ các người sơn - phụ xuống núi bán hạt rỏ. Chính cụ bán bừu cho nhà tôi cũng có lều, ba chiếc cả thầy, chiếc thứ ba trông lên hai chiếc kia như một cái vú thứ ba. Tôi thường mê thấy họ nhẩy múa quanh giở đờng, hoặc đứng thành vòng tròn, hoặc đứng vòng tròn, bừu lừng lảng. Tôi giắt mình thừe giấy; không muốn ngủ lại, tôi đưa mắt nhìn qua cửa kính cây lierre để ông leo lên cây táo, trèo lên mái rồi tõe ra như bụi gui. Thí giờ qua, chặm rãi, rồi beng, ấn lẩn lẩn vào nhau. Cụ Urbaine ngồi bên lò sưởi vừa đan vừa kể những câu chuyện dài hơn thí giờ. Cả buổi tối, tôi nằm ngấm cụ, chẳng nghe mà cũng chẳng ngắt lời ; lúc nào cụ nhìn tôi thì tôi lại chớp mắt.

Một buổi thứ năm, vào khoảng năm giờ chiều có bóng một ông già đi sau rèm cửa, bóng dẹt đến nỗi như bị ép vào cửa với tường nhà trước mặt.

Urbaine bảo : « Ái chà ! Lão dám đi chơi à ! » Tôi vốn không biết lão nên tôi hỏi tên thì cụ so

vai, giận dữ vỗ lấy chiếc áo đi cng đàn gì ở.

Hôm sau, cũng vào khoảng ấy ông lão lại đi qua. Ông đi từ từ, mắt lim dim vì chói mặt giới. Tôi nhìn Urbaine, hỏi.

Cụ sốt ruột gắt : « Thí lão. Vore chứ còn ai. » Chiều thứ bảy, tôi muốn ngồi bên cửa sổ, mỉm cười với mặt giới, đợi lão. Thí giờ chiều đó sao dài vậy. Thế mà đang giờ lão cũng tới. Trước lúc ấy, ai đi qua đối với tôi cũng là linh tiên-phong của ông già. Nam, sáu bậc thợ cày, đang san một lũy ngựa, cày tháo, bộ đồ để trên lưng, rồi thì là tôi hân. Anh nằng như đào sâu thêm các nét răn ; đi sau lão, cõ cụ bán sữa, tất tả cùng con chó.

Urbaine giận dữ nói : « Ái chà ! Ái chà ! ». Tôi không hiểu sao cụ lại giận.

Rồi chiều nào, ông lão cũng giờ lại, mặt lườm, cũng tươi cười, dù rằng bóng nắng bị che khuất, có ngờ đâu rằng lão đang đi qua trước mặt kẻ thù. Lúc thì lão lắc đầu nhíp nhấp như đồ kho khê hát hay muốn đi b. ớc một ; lúc thì lão si mũi nhưng cửa sổ đóng kín nên chẳng nghe thấy gì, cả đến tiếng giầy lão lữa. Một buổi chiều, lão quay nhìn cái gì đi theo sau, trông như đi dạ lùi. Một ngày khác, lão chào một người đi qua đường người đó quay mặt đi không muốn gĩa lời. Lão thì lão mỉm cười, bước đi hai bước rồi biến dôi nét mặt nhanh chóng đến nỗi tôi tưởng mặt giới đảo lộn. Một lần khác lão lấy ống tay áo cọ vào vết bẩn ở cổ áo, vết đỏ hòm sau thấy mặt. Tuy lão chẳng biết có tôi mà bụng tôi cũng chẳng buồn bả gì, nhưng một chiều, lão đi gần cửa quá khiến tôi phải gõ vào kính. Lão quay lại, quên không chớp mắt, rồi bóng chốc lừng tung quay đi, ra bộ tìm vật gì trong túi.

Vài hôm sau, có người đi dân-bà, áo đỏ, mũ đỏ, khoác tay ông lão cùng đi. Vì đi phía bên kia, nên tôi trông không rõ. Nhưng bà ta to lớn đến nỗi quanh mình ông lão như có một khung bông Urbaine đập mạnh cửa. Lành-lành tôi sui tôi nói một câu để làm cho cụ phát ý : « Người dân-bà đẹp quá ! »

Cụ nhìn tôi trong một phút đồng hồ, nhìn không chớp mắt, nhìn nghiêm khắc đến nỗi tôi dăm sợ không dám bảo cho cụ biết rằng cụ cũng không chớp mắt.

Những buổi tối giới mưa, nằm du ông bệnh thà

là thú-vị. Thú-vị hơn lại là những buổi chưa có nắng. Ruồi đến thăm ta ở cửa sổ ; ta ngằn ngừ chẳng dám đập giết chúng, sau bức màn cửa lụa, vì thương cũng có, vì sợ bẩn cũng có.

Tay mỗi đề nằm trên đùi mà không hiểu đùi làm tay ấm hay tay làm ấm đùi. Tia nắng từ mái ngói rơi xuống (trên mái có lượt sơn vô tận đương chầy), hay từ cửa từ vô rơi ra (cửa chẳng dám đề nắng vào vừa thóc), hay từ mặt sông sâu đề đến nỗi cá vẫn nằm trong bóng mát. Tường tường nằm dài, dam giữ khi nóng cho mùa rét. Ruồi bay mà không sợ mạng nhện săn đến bắt ruồi con hút máu. Rồi trước khi bóng đêm ập xuống, mặt giới lại tới, có mây, có tiếng động, có các màu theo sau. Trước lúc hạ xuống chân giới, hẳn cõi vút áo lại, trầu trường, vàng nhợt, rồi đốt cháy nhiều nơi để cho khói bốc lên nhồi vào mây. Lúc đó lão Vore đi qua. Mặt giới đương lặn thì lão đi quất. Còn tôi, người ta bắt đi ngủ cùng với mặt giới.

II

Tôi lại phải lại ; duy chỉ có Urbaine là giảng được rõ căn-dò. Cả mùa thu hình như tụ-tập quanh mình tôi, thành một thứ hơi nước độc để cho tôi ngạt....Chân đệm tôi nằm làm tôi mòn dần, da mọc ra càng xanh sáo thêm. Người ta lôi tôi ra khỏi chiếc giường nhỏ, đặt nằm trên chiếc giường to như chú chim nhỏ bắt khỏi lồng, thả vào chuồng lớn để hong khỏi bệnh. Tôi mê man. Một buổi, tôi mê thấy lão Vore bắt gặp tôi trên bờ ao, từ từ kéo tôi xuống đáy nước, mặt mũi vẫn đầy ánh nắng. Nằm dưới nước, tôi nhìn chằm chằm tôi loay hoay cạnh giường, lở bạch như kẻ không biết bơi. Cha mẹ tôi vội vàng, lóng cồng, nhưng nào có ai cứu nổi kẻ chết đuối bằng tiếng thìa động với bằng thuốc nước.

Một buổi sáng đẹp đẽ, chẳng hiểu ánh nắng nào đã làm chiếc ao cạn khô. Nằm dưới thẳng, người lướt lướt ướt, phải đến mấy ngày tôi mới khô hẳn. Quanh mình tôi, phảng phất chừng như cả nhà đương họ, ngồi suốt trước giường như ngồi sưởi lửa có tiếng sột soạt vấp. Có những vành môi chạm vào tôi nhẹ nhàng, khô khan, lan đến tận ngực, đậu xuống yên ả, êm dịu như còn thiếu thêm theo lửa tươi trước lửa sấm, giấc ngủ với

con sốt. Có vánh mới trước khi đậu, cón ngăn ngủ, kén chọn : tôi đoán là ở khoảng giữa tay với trán, đương lượn lơ, ngằn ngừ, rồi bỗng chốc rơi xuống, ấn mạnh đến nỗi cảm thấy cả sức nặng của khối óc. Có vánh mới hạ xuống đồ bất cứ vào đâu, vào mắt, vào áo, vào môi, nhầy, vấp như con châu-chấu chân dài chân ngắn không đều. Nhưng vánh mới nào cũng cung kính rụt rè, ý tứ : tưởng như bốn người chỉ việc hôn tôi.

Hồ nói được là tôi đã hỏi đến ông lão Vore. Trong lúc mê-man có lẽ tôi có gọi đến tên lão, vì chẳng có ai ngạc nhiên. Chỉ có cha tôi bảo rằng : — Lúc nào con khỏi thì lão đến ; mai thì lão đến.

Lão chẳng tới mà tôi cũng đã biết rằng lão chẳng bao giờ tới. Có sự bí-mật ngăn lão với nhà tôi ở cùng cuộc đời tôi. Nhưng sáng nào tôi cũng cố dòi lão đến cốt để bắt cha mẹ nói dối thêm một tí và để nghĩ về Lôi tôi của hai ngài. Lần nào cũng thêm một lời từ chối mới mẻ, rồi trả : nào lão Vore sai khớp chân, nào lão Vore cho cưới con gái lấy viên xen dăm, nào lão sợ lây bệnh của tôi, nào lão là nhân viên của hãng bảo hiểm con Phụng-phải sang tỉnh bên bảo hiểm nạn mua đá vì sắp có mưa to.

Quả nhiên mưa thật làm cửa chuồng bò đập mạnh. Mưa làm đổ chiếc lò sưởi nhà tôi, lúc rơi còn ra khỏi. Lò sưởi đó, lão Vore chẳng bảo hiểm. Urbaine cố tìm cách giải trí cho tôi mà chẳng ăn thua ; mẹ tìm các trò chơi cũ của tôi nhưng mẹ chơi theo lối quê mùa, lở bạch đến thành chán ngắt. Mẹ bước bình đến nỗi nhất định dù tôi kêu « Voi hay hay Urbaine hay » mẹ cũng chẳng chịu dợ ngón tay.

Tại sao lão Vore bé nhỏ, vui vẻ, ý tứ lại không ở đây ? Tôi nấn các ông già. Họ cúi xuống đất mà đi vì mắt chói ánh bầu giới, chói lồng con mắt yếu ớt của họ. Họ từ từ hiền lành đến nỗi tưởng ai cũng già nua như họ ; họ mảnh rẻ đến nỗi buổi sáng lúc ngoài đường âm ỉm tiếng đập họ chẳng dám đi. Họ lợi hợp để đi đưa ma đúng lúc phụng như anh lính chưa cháy đi riêu phở. Tay họ run run, vì đã biết giá trị của thì giờ nên lúc lắc như quả lắc đồng hồ ; mạch máu trong người họ lạnh quá nên lăn ra tận ngoài, cách bóng nắng có một lần đi. Áo chùng dài họ bện rần reo chắt lại ; lúc

họ chuyện trò với nhau thường ngừng lại, nhìn nhau, trí kỷ như kẻ đã nghịch tình sống đờn mãi từ bé đến giờ.

III

Có các bà thỉnh thoảng đến thăm tôi mang theo cả mấy cô con gái nhỏ. Có cô bỏ mũ ra, lộ mớ tóc trần, nhưng nét mặt từ đó mất vẻ hiền từ, bình tĩnh vì một cái đầu không có mũ chúi xuống như một ngọn đèn không chao : ánh sáng chầy chạn hóa, chia đều cho các vật nhỏ, nhưng mũ làm dụ bớt đi, mang ánh sáng lại riêng cho ta. Tôi thích để sườn bộ mặt dưới chao đèn. Rồi các bà ra về. Các cô gái nhỏ bỏ hình mang theo cả họ vì họ bỏ quên. Hôm sau lúc đi bỏ thư, *Urbaine* lại phải đem giả.

Nằm ngửa trên giường, tôi nhìn thấy trần nhà ; nằm nghiêng bên phải, tôi nhìn thấy cửa sổ. Cả hai cùng che lấp mất bầu trời nhưng sau cửa kính nhỏ tôi thoáng thấy ánh trời ngời ngẩn, vườn vai theo gió, các thối vàng, bồ bốt, trắng bộp như quần áo mặc hôm lễ rửa tội. Cửa đó ngời ngẩn gọi tên là *mystères* (bí mật) vì che mất cảnh đồng ruộng, che mất xe bò với khách qua đường khó hiểu. Chỉ bóng tối là lọt qua. Mụ *Urbaine* có lúc kéo cửa lên, nhìn cánh đồng ; lúc bóng mụ *Urbaine* từ từ giờ vào, tôi được nhìn rõ phong-cảnh bên ngoài đến tận chân trời. Chân trời xanh vì lá cây, xanh vì da trời ; tự chân trời tỏa ra các con đường đi lại. Làng tôi cách đó có chín cây số ; gió ở *La châtre* vẫn mang chim bồ câu với mây lại. Chim, mây đậu trên một ngọn tháp bao quát cả chân trời, canh gác một chân trời thứ hai gần tỉnh thành hơn.

Đêm giống như ngày, ánh sáng vốn bị lọc qua cửa kính hay bóng đèn. Tôi chẳng biết lúc nào nên ngủ. Không có một sức mạnh nào đúng giờ đến thời hiệu tắt đèn. Đêm lại lảng khấp sườn ngày, cái nợ là ngủ tắt của cái kia. Giấc ngủ, thơ thần trong hai gian phòng, ngồi lên chiếc ghế bành gập đầu tiên, đứng dậy, ừ tay vào cửa sổ. Đáng điệu *Urbaine* chạm chập như chia ra từng mảnh. Tôi nghĩ đến tiếng động đi theo các cử chỉ, làm cho mỗi cử chỉ như có một linh-hồn. Tôi nghĩ đến thì giờ—bạn của tôi—hắn làm cho ngày dài giằng dặc mà tuần lễ thì ngắn ngủn. Hắn chết vào lúc buổi chiều, khi có người sắp tắt đèn mà

ta chưa biết có phải ta chao, hay hắn chết vào hồi buổi sáng lúc tôi chưa biết là lò lửa rêu âm thì làm tôi tỉnh dậy hay du tôi ngủ.

Tôi nghĩ rằng lão *Vore* cũng đã bé như tôi, đã từng chơi bi, chơi quần. Lão cũng đã từng ốm, rợn rợn các cô cũng đã đặt nằm lên giường như tôi. Ngày đó có ai ngờ rằng lão không như xưa, mà ngay bây giờ chân lão cũng không đụng chân giường.

Bàn phải nhà tôi, cạnh chuồng gà, có hiệu thuốc. Lúc lành mưa, tôi nhìn rõ ánh các chai lọ trên vũng nước ngoài phố. Ngày phiên chợ, lũ lừa sợ hãi phải đi vòng. *Urbaine* ngồi nhìn các người trong hiệu đi ra nên ai ốm trong hàng tổng là mụ biết ; nhưng mụ chẳng hiểu ai chết bệnh gì.

Một hôm, thấy mụ rời đầu-bà áo đỏ, ngày xưa khoác tay lão *Vore*, ở hiệu thuốc đi ra, tay cầm mấy chai thuốc. Đáng điệu người đó mỗi mặt, tóc như bị hoen rỉ vì mưa quá nhiều lên tóc. Tôi có một mình ngồi cửa sổ bên gọi người đó lại.

Bà ta giật mình.

— Chiều nay thì ông ta chết, em ạ.

Chẳng hay lúc đó nghe tin đó, tôi có buồn không thì không biết nhưng tôi chẳng ngạc-nhiên tí nào. Tại sao ông lão lại chết vào chiều nay ?

Bà ta tựa vào thành cửa, bầy lọ lên mặt đá. Một câu nói tôi thường nghe thấy, vợ vẫn trong trí.

— Thế lão có biết là mình sắp chết không ?

Gặp họ hàng người chết, mụ *Urbaine* thường hỏi câu đó. Nếu người ốm biết mình chết thì tất là *ngoẻo*.

Người đàn-bà không giả nhời tôi, chỉ nhận thấy tôi gầy, xanh nên cầm lấy tay. Trời mưa ; không biết trong căn buồng nào, tiếng máy khâu im bặt. Không có lẽ gì mà tôi chẳng mỉm cười với bà ta. Hai người nhìn nhau trông trọc ; trước đây có lẽ bà ta mỗi lần buồn là hai lần khóc, vì con người đều hoen rỉ cả. Tôi chưa từng thấy mắt nêo lại nông như thế. Một con chim đủ uống cạn. Không phải là thứ mắt lặn sâu vào trong óc để tìm nước mắt. Nhưng trong con mắt đó, hình tôi tôi trông thấy rõ ràng. Vũng nước bên đường phản chiếu bóng mặt trời rõ rệt hơn giống thăm.

(Xem tiếp theo trang 20)

Điều 71 của Hiến pháp lâm thời (T.N. số 59) pháp qua cách tổ chức Quốc-dân chính-phủ: « Quốc-dân chính-phủ gồm có Hành-chính viện, Lập-pháp viện, Tư-pháp viện, Khảo-thí viện, Giám-sát viện và các bộ các ban ». Điều 77 trong Hiến pháp nói thêm rằng: « Cách tổ-chức Quốc-dân chính-phủ các viện, các bộ, các ban, đều do pháp-luật định riêng. »

Cách tổ-chức ấy đã được ấn định trong đạo luật nhan đề là: « Tu chính Trung-hoa Dân-quốc Quốc-dân chính-phủ tổ-chức pháp. » công bố và thi hành từ ngày 17 tháng 10 năm Dân-quốc 23. (17-10-1934). Đạo luật này căn cứ vào Hiến-pháp lâm thời và tu chính lại một đạo luật ban bố và thi hành ở Quảng-đông từ ngày 1 tháng 7 năm Dân-quốc 14 (1-7-1925)).

Bản « Kiến-quốc đại-cương » của Tôn-Văn (T.N. số 49), đạo « Huấn-thời ước-pháp » (T.N. số 50) với đạo « Chính-phủ tổ chức pháp » này là nền tảng chính-trị của Trung-hoa, vậy trước khi nghị luận về Hiến-pháp Trung-hoa, chúng tôi xin dịch đây sau đây đạo luật « Chính-phủ tổ chức ».

*

Tu chính Trung-hoa Dân-quốc, Quốc-dân chính-phủ tổ-chức pháp.

CHƯƠNG I

Tổng tắc

Điều 1. — Quốc-dân chính-phủ y theo điều trong « Trung-hoa Dân-quốc huấn chính thời kỳ ước pháp » mà chế định đạo luật « Trung-hoa Dân-quốc quốc dân chính-phủ tổ chức » này.

CHƯƠNG II

Quốc-dân chính-phủ

Điều 2. — Quốc-dân chính-phủ cầm giữ quyền của Trung-hoa Dân-quốc.

Điều 3. — Quốc-dân chính-phủ thống xuất lực, hải, không quân.

Điều 4. — Quốc-dân chính-phủ giữ quyền tuyên chiến, giảng hòa, và đình chiến ước.

Điều 5. — Quốc-dân chính-phủ công bố pháp luật và phát bố mệnh lệnh.

Điều 6. — Quốc-dân chính-phủ giữ quyền đại xá, đặc-xá, giảm hình và phục quyền.

Hiến - pháp Trung - hoa

PHAN ANH

Điều 7. — Quốc-dân chính-phủ giữ quyền ban tặng vinh điển.

Điều 8. — Quốc-dân chính-phủ do cơ quan năm viện kể sau đây, mà cầm nắm thứ trị quyền hành chính, lập pháp, tư pháp, khảo thí, và giám sát:

- 1) Hành chính viện
- 2) Lập pháp viện
- 3) Tư pháp viện
- 4) Khảo thí viện
- 5) Giám sát viện

Các viện kể trên đều có thể theo pháp luật mà phát bố mệnh lệnh.

Điều 9. — Trong khi cần yếu, Quốc-dân chính-phủ có thể đặt những cơ quan trực thuộc vào chính phủ, mà tổ chức thì sẽ do pháp luật định.

Điều 10. — Quốc-lân chính-phủ gồm có một vị chủ-tịch và từ 24 đến 33 vị ủy-viên. Các viện có một vị Viện-trưởng và Phó Viện-trưởng. Các vị ấy đều do « Trung-rong chấp hành ủy viên hội » của Trung-quốc Quốc-lân đảng tuyển ra.

Điều 11. — Vị chủ-tịch Quốc-dân chính-phủ tức là Nguyên-thủ của Trung-hoa Dân-quốc, do trong và ngoài là đại-biểu Quốc-dân chính-phủ. Nhưng thực ra thì không chịu trách nhiệm chính-trị.

Điều 12. — Chủ-tịch Quốc-dân chính-phủ không đợc kiêm quan chức khác.

Điều 13. — Chủ-tịch Quốc-dân chính-phủ được tại vị hai năm, và có thể liên cử một lần nữa. Nhưng ở thời kỳ Hiến pháp đã ban bố thì có thể theo pháp luật mà thay đổi.

Điều 14. — Những mệnh lệnh của Quốc-lân chính-phủ và nghị-lệnh thuộc về Động-viên quân-sự, thì do Chủ-tịch quốc dân chính-phủ ký tên.

Nhưng phải có **Viện-trưởng** và **Bộ-trưởng** có quan hệ đến mệnh lệnh ấy, ký thêm, vào thì mới bắt đầu có hiệu lực.

Điều 15. — Trước khi Hiến-pháp ban bố, thì các Viện Hành-chính, Lập-pháp, Tư-pháp, Khảo-thí Giám-sát đều chịu trách nhiệm trước « Trung-uong » « Chấp-hành Ủy-viên-Hội của Trung-quốc quốc dân-dân »

CHƯƠNG III

Quốc-dân chính-phủ ủy-viên hội.

Điều 16. — Quốc-dân chính-quủ ủy-viên hội gồm có vị Chủ-tịch và các vị Ủy-viên của Quốc-dân chính-phủ.

Điều 17. — Viện này, đối với việc khác mà có điều giải quyết không xong, thì sẽ do Quốc-dân chính-phủ ủy-viên hội nghị quyết.

Điều 18. — Quy trình của hội nghị của Quốc-dân chính-phủ ủy-viên hội sẽ định riêng.

CHƯƠNG IV

Hành-chính viện.

Điều 19. — Hành-chính viện là cơ quan hành-chính tối cao của Quốc-dân chính-phủ.

Điều 20. — Hành-chính viện gồm có các bộ phận giữ chức quyền hành-chính. Về những việc đặc biệt, thì có thể cử những ủy-viên ban làm việc.

Điều 21. — Các Bộ trong hành-chính viện đều có một vị Bộ-trưởng một vị Chính-vụ thứ-trưởng, một vị Thường-vụ thứ trưởng. Các ủy-viên ban đều có một ủy-viên trưởng, và một phó ủy-viên trưởng, và ít nhiều ủy-viên.

Các Bộ-trưởng và ủy-viên-trưởng đều do Hành-chính viện-trưởng đề thỉnh và do Quốc-dân chính-phủ Chủ-tịch theo pháp-luật nhiệm miễn.

Các chính-vụ thứ-trưởng, thường-vụ thứ-trưởng các Ủy Viên Trưởng, phó Ủy Viên Trưởng và Ủy Viên đều do viện Trưởng Viện hành chính đề thỉnh và Chủ tịch quốc dân chính phủ theo pháp luật nhiệm miễn.

Điều 22. — Khi Viện Trưởng Viện Hành Chính nghỉ hưu, thì Phó Viện Trưởng thay quyền.

Điều 23. — Hội nghị Hành Chính Viện gồm có Viện Trưởng Viện Hành Chính, Phó Viện Trưởng, các Bộ Trưởng và các Ủy Viên Trưởng. Khi họp Hội Nghị thì Viện Trưởng Viện Hành Chính làm chủ tịch.

Điều 24. — Những việc lẽ ra cần, đều phải qua Hội nghị hành chính viện nghị quyết.

1) Những dự án pháp luật đề xuất ra Lập Pháp Viện.

2) Những dự toán án đề xuất ra Lập Pháp Viện.

3) Những dự án Đại xá đề xuất ra Lập Pháp Viện.

4) Những dự án Tuyên chiến Giảng hòa đề xuất ra Lập Pháp Viện.

5) Nhiệm miễn các quan lại hành chính và việc tiếp nhiệm trở lên.

6) Những việc không giải quyết được giữa các bộ và các ban.

7) Những việc mà Pháp luật đã định hay do viện Trưởng Viện Hành chính nhận thấy cần đưa ra quyết nghị ở Hội nghị Hành Chính viện.

Điều 25. — Những mệnh lệnh và xử phân của Hành Chính Viện, nếu quan hệ đến toàn thể hành chính thì phải có Bộ Trưởng cục bộ ấy ký thêm, rồi mới bắt đầu có hiệu lực.

Điều 26. — Cách tổ chức Hành chính viện định theo pháp luật.

CHƯƠNG V

Lập Pháp Viện

Điều 27. — Lập Pháp Viện là cơ quan lập pháp tối cao của Quốc Dân Chính phủ.

Lập Pháp Viện có chức quyền nghị quyết pháp luật án dự toán án, đại xá án, tuyên chiến án, giảng hòa án và các việc quan trọng quốc tế.

Điều 28. — Khi Viện Trưởng Viện Lập Pháp mắc bận thì phó Viện trưởng thay quyền.

Điều 29. — Trong khi Lập Pháp Viện họp hội nghị thì các Viện trưởng khác và các hành chính Bộ Trưởng có thể dự tịch mà tỏ bày ý kiến.

Điều 30. — Lập Pháp Viện gồm có từ 49 đến 99 vị Ủy viên, do Viện trưởng Viện Lập Pháp đề thỉnh và Chủ tịch quốc dân chính phủ theo pháp luật nhiệm miễn.

Điều 31. — Ủy viên Lập Pháp Viện được nhiệm kỳ 2 năm, nhưng lết hạn có thể liên nhiệm được.

Điều 32. — Ủy viên Lập Pháp Viện không được kiêm quan chức khác.

Điều 33. — Khi Lập Pháp Viện họp Hội nghị thì Viện Trưởng làm chủ tịch.

Điều 34. — Cách tổ chức Lập Pháp Viện do pháp luật định.

CHƯƠNG VI

Tư Pháp Viện

Điều 35. — Tư Pháp Viện là cơ quan tư pháp tối cao của Quốc dân chính phủ.

Điều 36. — Tư Pháp Viện gồm có Tư Pháp Hành chính Bộ, Tối Cao Pháp Viện, Hành Chính Pháp Viện và Công chức Trừng Giới Ủy Viên Ban.

Điều 37. — Chức Viện Trưởng Tối Cao Pháp Viện có thể do Viện Trưởng viện Tư Pháp kiêm nhiệm; chức Trưởng Ban Công chức Trừng Giới Ủy Viên Ban có thể do phó viện trưởng kiêm nhiệm,

Điều 38. — Viện trưởng Viện Tư Pháp nếu nhận thấy cần, thì có thể ra tòa dự vào việc thẩm phán ở Hành Chính pháp viện hoặc ở Công chức Trừng Giới Ban

Điều 39. — Khi Viện Trưởng viện Tư Pháp mắc bận thì phó Viện Trưởng thay quyền.

Điều 40. — Về những việc thuộc về chủ quản của mình thì Tư Pháp Viện có thể đề xuất nghị án ở Lập Pháp Viện.

Điều 41. — Cách tổ chức Tư Pháp viện do pháp luật ấn định.

CHƯƠNG VII

Khảo Thí Viện

Điều 42. — Khảo thí viện là cơ quan tối cao của Quốc Dân chính phủ, cầm quyền khảo thí theo pháp luật.

Điều 43. — Viện Trưởng viện Khảo thí mắc bận thì phó Viện Trưởng thay quyền.

Điều 44. — Về việc thuộc về chủ quản của mình thì Khảo Thí viện có thể đề xuất nghị án ra Lập Pháp Viện

Điều 45. — Cách tổ chức Khảo thí viện do pháp luật ấn định.

CHƯƠNG VIII

Giám Sát Viện

Điều 46. — Giám sát viện là cơ quan giám sát tối cao của Quốc Dân chính phủ y theo pháp luật mà cầm quyền đàn hặc thẩm kể.

Điều 47. — Khi Viện Trưởng viện Giám sát mắc bận thì Phó Viện Trưởng thay quyền.

Điều 48. — Giám sát Viện gồm có 29 đến 49 vị Ủy Viên do Giám Sát Viện trưởng đề thỉnh và Chủ tịch Quốc Dân chính phủ theo pháp luật nhiệm miễn.

Điều 49. — Cách bảo chương cho giám sát ủy viên sẽ do pháp luật định.

Điều 50. — Hội nghị Giám Sát viện gồm có ủy viên giám sát, và chủ tịch là Viện Trưởng.

Điều 51. — Ủy viên Giám Sát viện không được kiêm công chức khác.

Điều 52. — Về những việc thuộc về chủ quản của mình, Giám Sát viện có thể đề xuất nghị, án ra Lập Pháp viện.

Điều 53. — Cách tổ chức Giám Sát Viện do pháp luật ấn định.

CHƯƠNG IX

Phụ tác

Điều 54. — Đạo luật này thì hành từ ngày công bố.

NGUYỄN-ĐỨC-CHÍNH

NHÃ AI

Truyện dài, dày 416 trang — Giá: 5\$00

— Mới phát hành, còn rất ít —

THÁNG MARS SẼ CÓ BÁN:

TRẺ THƠ

Kỷ-niệm tuổi hoa niên — Giá: 1\$00

**TRƯỞNG MỘT THANH NIÊN
BỒNG THỜI.. .. .** Giá: 1\$50

IN GẦN XONG:

Kỷ sách mỹ thuật.. .. . Giá: 1\$50

THƠ — 1,80

HOAN LẠC truyện ngắn — 2,50

TÁC GIẢ XUẤT BẢN

126, Blockhaus Nord, HANOI

Hoài vọng của lý - trí

DINH GIA TRINH

Hôm nay tôi đỡ mấy trang sách khảo cứu vật lý cao đẳng, mà thấy ao ước sao cái đời của nhà bác học ! Những định luật kỳ diệu, kết quả của bao nhiêu thử nghiệm và tâm trí tìm tòi, những suy diễn, những con số làm cho tôi choáng váng trong kinh ngạc, tự thẹn rằng óc mình, vào cõi học này chỉ là một đũa tiêu nhi. Hôm nay sắc trời đẹp, phòng cảnh xinh, và ở xa những hình dáng như mời chào nhà họa sĩ. Lòng tôi thì tiếc không có tài họa sĩ. Nghe một bản đàn hay, lòng mê trong rừng động, tôi sơn sao ước làm nhạc công, nhạc công hạng nhất, khiến giây tơ nên giây tâm hồn và buông thả những lời trác tuyệt.

Tôi muốn làm nhà sử học, nhà triết học, nhà luật học, nhà bác vật học. Tôi lại muốn làm cả nghệ sĩ nữa. Là tất cả những hạng người tư tưởng và tài tình đó ở một độ siêu việt, chứ không phải theo lối tài tử, biết tất cả mọi thứ mà chẳng đi đến ngành ngọn của thứ nào :

Học hết cả các thứ tiếng kim và cồ. Bao nhiêu thế giới sẽ mở cửa đón tôi, bao nhiêu gió lạ sẽ thổi qua tâm hồn.

Mỗi giờ, mỗi ngày trong đời tôi là một tiến triển mà cùng lại là một hồi hận. Thi dụ tôi là một kẻ làm văn và khảo cứu nghệ thuật làm văn. Mỗi ngày thêm kiến thức, thêm kinh nghiệm, thêm tỏ rõ cái bộ mặt của tôi ra ; mỗi ngày cái hình dáng tôi càng rõ rệt (về phía hay hoặc phía dở), và nếu có hạnh phúc, cho hạn tôi sẽ là một nhà văn. Tôi sẽ không là nhà nhạc sĩ, hoặc là sử gia, hoặc là một nhà toán học nữa. Mỗi phút tôi eo hẹp cái bản ngã của tôi lại. Mỗi phút là một sự tích lũy để giàu về một nỗi mà cũng lại dễ nghèo đi, than tiếc những phong phú có thể bắt được, tâm hồn có thể thấu đạt

được mà không thấu đạt. Ở đời có niềm giống của lao nhiều người có thể thành hình mà không lý diện được ra.

Trong yên lặng của thư phòng, đọc sự nghiệp của một đại tư tưởng, xem báo chí về chiến tranh, lòng sôi nổi bức tức không có dịp để sống một đời phong ba nguy hiểm, trong đó người ta biết coi khinh sự chết và lòng sợ chết. Trông mặt trời lên trên là mặt, ngũ trong sương tuyết, trái tim đập cái trạng thái của mặt kẻ không đợi chờ gì ở người và ở nhân thế.

Đề tham bề xa đất lạ, tôi muốn nếm thử cái đời giang hồ của người du khách. Tôi cũng ra cái phiếu điếu của đời bác lái đò buổi chiều trên sông. Tôi muốn là nhà tài tử đóng trò giỏi làm cho khán giả khờ, hoặc người thợ gặt ngửi mùi lúa thơm, ăn ngon miệng ở đầu bờ. Như một danh sĩ Pháp đã nói : « Tôi ham muốn tất cả các thế sống ; thấy ai làm cái gì là tôi thích rằng chính tôi cũng làm được như thế ». Mà tôi chịu nhận chỉ làm một việc, chỉ sống ở một chiều, chỉ leo một ngọn núi !

Đêm nay sao sáng, khoảng không mênh mang lại dẫn tâm hồn kẻ chiêm ngưỡng vào trong những suy tưởng cũ kỹ của nhân loại. Tôi lại run rẩy cái run rẩy của con người anh tài ốm yếu Pascal.

Những ngôi sao kia là những thế giới đầy, những thế giới tắm trong cái thanh khiết nhiệm mà các nhà bác học gọi là ether, chứ không phải là những hạt kim cương gần vậy, cái lần vỏ trong của một quả cầu rộng lớn che chúng ta bằng cái vòm mái bao la. Nhưng rồi đến đâu là giới hạn của không gian ? Lý trí ta quan niệm vô hạn bằng một danh

từ tiện lợi, nhưng thực ra nó ghê tởm hết sức cái quan niệm vô tận. Nếu nó lặng một phút để tưởng tượng cái cụ thể của vô tận tức khắc nó sẽ lùi lại tựa như kẻ sống sáo điệp trán vào một tấm cánh cửa gỗ. « Vô tận » chỉ là một chữ. « Vô tận » chỉ là một cái bình phong bằng lụa mỏng để tạm che mắt ta cho khỏi trông thấy một sâu thẳm ghê sợ nhưng nếu ta dừng lại vạch cái tấm lụa mỏng ấy ra thì cái cảm xúc ngơ ngác kinh hoàng lại tới.

Bao nhiêu vấn đề siêu lý trước đó chúng ta là kẻ mù : cái bí mật của sống chết, cái bí mật của sự sáng tạo thiên nhiên. Các triết gia thực nghiệm đã mời ta chớ nhìn vào những thế giới tối mờ ấy. Thế giới ấy ở bên kia bề cả, theo một hình ảnh của Lit-tré. Sóng bề đánh vào bờ ta ở, móng lung của bề gọi sự tò mò của ta, nhưng ta không có con thuyền nào để qua bề đó được.

Những bản khoán ấy ta chớ tưởng là những bản khoán cũ kỹ. Bất cứ con người tư tưởng nào, trong những phút mình với mình, suy nghĩ đến ý nghĩa của nhân thể và vũ trụ cũng nhận thấy rằng muốn nâng chinh phục của loài người chỉ có một giá trị nực cười so với cái ngu dốt lớn ghê gớm của họ.

..*

Đem tất cả tâm trí để vào một sáng tạo ; say sưa trong vị ngữ của thành công. Nuốt ngốn cả sách quý của kim cổ. Sáng tạo, sáng tạo. Làm cho mềm dẻo tâm hồn mình, hơi thở mình, bàn tay mình, cho nó màu nhiệm uốn theo các khúc khuỷu của sự vật và cái trào lộng phiến phức của tưởng tượng. Trên cánh hoa say nên cả một thế giới, ở một tiếng động nghe muốn vàn tiếng động. Sống lại những cảm xúc của Đông, Tây, xưa và nay, để tâm hồn mình biến thành một vũ trụ.

Hoặc khảo cứu, hoặc làm thơ, hoặc tạo một nhân vật liêu thuyết. Tôi hiểu lắm cái mê đắm của thi sĩ Hugo viết cuốn *Légende des siècles*, trước một khung cửa sổ trông ra tạo vật, những bước tản bộ lơ đãng của nhà

triết học Kant trên hè đường, hoặc của nhà toán học Einstein trên bờ biển.

Nhưng phải đem tư tưởng ly dị với xung quanh mình. Như nhà đạo sĩ tĩnh tâm, nhắm mắt chấp tay để tâm trí riêng soi tỏ một ý, một cầu nguyện, kẻ sáng tạo trên đất tư tưởng cũng phải tránh những dụng chạm với đời, đóng giác quan lại cho nó khỏi tiếp xúc quá độ với ngoại giới. Hãy trông một nghệ sĩ khi họ sáng tạo : họ còn biết gì ngoại vật nữa, họ quên cả no đói. Phút say mê qua, mở cửa sổ mắt mới thấy giới đẹp, tai mới nghe thấy chim kêu, ngoại giới mới là một sự thực, ta mới thấy ta ở trong một xã hội người.

Tạm thời xa lánh cuộc đời rộn rịp này, gác bỏ trong một thời gian cái trách nhiệm của một người xã hội, sống với tác phẩm yêu quý mà mình mơ tưởng, kiên nhẫn đặt những viên gạch xây cái lâu đài mơ ước. Say lên, đột ngột cao, rồi bóng nó che tỏa một góc trời, như những bức tường của Caen trong sa mạc, rồi tròng hoa cỏ xung quanh (vì không phải chỉ xây một tòa thành rêu mốc nghiêm nghị như một nhà tu) rồi đứng ngắm công trình tạo tác ấy với tất cả kiêu hãnh và bui sương của một nhà kiến trúc đã hoàn thành sự nghiệp.

Tòa nhà ấy để tôi trú ở đó, kéo dài rét mướt quá.

..*

Sáng tạo bằng trí thức. Chỉ có trí thức làm việc. Viết song một bài thơ mỗi một lần, vì tất cả tâm hồn cần động, cảm xúc gâng mãi trong lúc thi cảm đưa ngọn bút của nhà thơ. Những tinh chất của linh hồn theo ngọn bút phả bầy trên giấy. Thi sĩ run run như chiếc lá, đem chất nhựa trong tâm ra kết tạo một hòn ngọc. Khi nền thì sẽ là một nỗi thương đau (nhà thơ có thói vẫn thế), thì đau thương ấy lưu vết trên giấy, để làm trường cửu cái đau (trong trong lòng kẻ đọc. Hoa xuân, mây thu, ý lạ, lời chim, đều vào trong tế bào nhà văn viết văn chương tình cảm. Tâm hồn nhà văn tựa tựa như một phong vũ biểu lạ lùng.

Trái lại nhà tể học khảo cứu sự vật, nhà tư tưởng suy luận về mọi vấn đề khoa học, mỗi ngày thấy mình giàu mạnh hơn lên, mà trong lòng cảm thấy một hoan lạc giản dị và trong sạch vô cùng.

Một đẳng sáng tạo bằng tất cả ta, bằng máu chảy, hơi thở, các thớ thịt của trái tim; một đẳng sáng tạo toàn bằng lý trí. Một đẳng tựa nhạc sĩ đẹp trao tâm hồn mình vào những lời âm, nghe lời âm song còn thấy rung động cái tình dữ dội; tựa sản phụ sinh một đứa con, đau đớn trong khi sinh và mệt mỏi sau khi sinh; vương vấn nửa như vui đã thò lộ được tình, nửa như tiếc đã cho tình thò lộ; một đẳng cấu tạo theo một ý định, muốn luôn luôn, ý chí luôn luôn, sẽ sung sướng đợi ngày công nghiệp thành hình thể. Một đẳng cấu tạo để giải thoát hoặc để an ủi; một đẳng cấu tạo để cấu tạo. Một đẳng chỉ viết được ở trong một vài tâm trạng, (bởi vậy ai viết thơ văn để buôn bán), một đẳng viết bất cứ ở trường hợp nào, (khi nắng hè, khi gió bắc), mà khi viết, những nỗi ưu tư phiền muộn của lòng đều đẹp tạnh. Montesquieu bao đọc sách quên sầu, là bởi Montesquieu chỉ đọc những sáng tạo của lý trí.

Sáng tạo bằng lý trí, với tài liệu trong vũ trụ. Không bao giờ sợ hết đề luận, sợ « cái gì cũng đã có người làm trước rồi ». Vì vũ trụ rộng ghê gớm, mà thời gian vô tận, thế giới lại biến thiên trong mọi tác thời gian. Trái lại, mặc dầu con người ta là một vũ trụ, nghệ sĩ viết văn tả tình cảm con người nhiều lúc phải chạm chán với than tiếc: « Tôi đến chệch quá, ở một thế giới già cỗi quá rồi ». Yêu cầu, lý biệt hoàn tạo, sâu sắc, thi sĩ vẫn nhìn đời trước đều đã nói. Cây đàn muốn ai quên người ta đã bấm hết cung. Trông giảng trường giang: Lý-thải-Bạch và các thi sĩ Tần; cái sâu man mác hoặc ủ rũ của các cuộc ly biệt, nhớ nhung, than tiếc, hoa mộng, tất cả những điển rở của lòng. Olympio thêm dường cũ,

Kim-Trọng sau Lữ-trong trở lại vườn thêu tìm Kiều:

Lẽ xé én lạnh, lầu không.

Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.

Tình người ta đã yên trí ở những lời châu ngọc.

Bảo rằng tình vẫn thế, ý vẫn thế, nhưng tài hoa có nề hà gì, duyên lời mới tả tình tình cũ. Có thể thực và kỳ tài như một thần lực, có thể biến hóa những bà lão mặt răn reo ra những nàng tiên son trẻ. Nhưng kỳ tài phỏng có mấy trong một thời đại? Mà lời người ta phải đâu tả nổi cảm tình? Rung động sóng sao, bài thơ tuyệt diệu, trong lòng tôi chỉ ở trong lòng. Không truyền lan được hay truyền lan thiếu sót, phần bội. Bên cửa sổ đợi người nhà trạm đưa thư, mong một người đến chạm, phải yêu mới sống được cái thơ huyền diệu ấy. Giọt nước mắt ướt một cảnh làm than, nghẹn ngào cầm tay lúc ly biệt, trông mặt giờ lặn như què hương, phải trông cảnh, phải biệt ly, phải xa cách mới sống nổi cái thơ ấy.

Sự phối hợp hoàn toàn của một lời là một hân hũ, một hạnh phúc (người ta nói làm thơ có thần trợ). Khó gặp được một quyền thơ toàn bích. Mà sau một quyền thơ, lòng tựa như đã vơi, nếu thơ chỉ tả có cảm tình. Trái lại sáng tạo của lý trí giàu mạnh không cùng và luôn luôn hấp thụ được xuân khí.

Sầu muộn than tiếc mãi chi! Những hoài niệm, những ái ân người ve vốt đối với độc giả không tri kỷ thực là ngáy ngổ và khó chịu. Kỷ niệm và muốn thiêng liêng của lòng ta, thôi cứ để nó trong ta. Hãy đắm ta trong ánh sáng của lý trí. Hãy ra khỏi sương mù của thi cảm. Hãy viết hùng vĩ, can đảm; hãy cặm rụi. Đã ca ngợi chiếc lá khô rồi, nay hãy quên chiếc lá khô.

Tháng chạp 1913

ĐINH-GIA-TRINH

HAI BÀI PHU CỦA TÔ ĐÔNG PHA

TIỀN XÍCH BÍCH VÀ HẬU XÍCH BÍCH

TÔN QUANG PHIỆT dịch

Tiêu dẫn — Nam Kiến-an thứ 13, đời vua Hán-Hiên đế (208) Tào-Tháo theo đánh Lưu-Bị tự Giàng-lãng, rồi thuận buồm đi xuôi, Lưu-Bị cầu cứu với Ngô-tôn-Quyển. Quyền sai tướng Châu-Du đem ba vạn quân đi đánh. Mặc mưu, Tháo thua, quân lính bị chết nhiều, đá đều nhuộm máu nên gọi là Xích-bích. Chỗ ấy là về phủ Kinh-châu ở Hồ-quảng. Còn ông Tô-dông-Pha đi chơi đây, là ở Hoàng-châu, chỗ này tự nhiên sắc đá đỏ, mà Hạc-khẩu, Vũ-xương đều ở phía tây; Tô-dông-Pha « bị triệch » ở đó, bằng diều cò tích, thấy cảnh sinh linh, mà làm bài phú này cũng mượn việc xưa mà làm đề đó thôi, há lại không biết đó là sai sự thật ?

Nam ấy Tô đã 47 tuổi, ở Hoàng-châu ông ngụ tại đình Lâm-cai, có xây một cái nhà ở đầm đất xiên phía đông, rồi tự hiệu là Đông-Pha cư sĩ. Nam Nguyên-phong thứ tư đời Tống, Thần-Tôn (1081) về ngày rằm tháng bảy, cùng Tô đi chơi Xích-bích, đến tháng mười ông lại đi chơi đó lần nữa, nên có hai bài tiền, hậu Xích-bích.

Bài dịch. — Mùa thu nam Nhâm-tuất ngày rằm tháng bảy. Tô-tử cùng khách dạo thuyền chơi ở dưới Xích-bích, gió thổi hiu hiu, nước không có sóng. Đang rượu mời khách, đọc chương yêu-niên của thơ Minh-Nguyệt (1). Một chốc mặt trăng lên ở trên núi phía đông, lơ lửng ở giữa sao Ngự-u, sao Đẩu, mù trắng đầy sông, nước sáng tiếp trời, mới buông thuyền nhỏ cho trôi lơ lửng ở giữa không, trên gió, mà không biết đâu là bờ; nhẹ nhàng như bỏ dùi mà ở riêng ra, hóa ông cảnh đề lên trên vậy. Lúc đó, uống rượu rất vui, rồi gõ mạn thuyền mà hát. Hát rằng : « Gõ que làm chèo, gõ lan làm lái, đập vào trăng dưới

nước, mà chèo ngược vơi, lòng ta luống ngậm ngùi, nhớ bạn hiền ở phương trời kia ». Trông bạn khách có người thổi ống sáo, dựa vào bài ca mà họa theo; tiếng sáo như oán như yêu, như khóc, như than, động cử dây đưa mãi mà không dứt, như một cái dây vậy. Tiếng ấy có thể làm cho con giao long (1) ở hóc phải nhẩy dầy, mà người đàn bà góa trong chiếc thuyền đơn phải phát khóc. Tô-tử ra vẻ buồn, sửa áo chỉnh tề ngồi dậy mà hỏi khách rằng : « Sao buồn thế này ? » Khách đáp : « Trăng sáng sao thua, quạ bay về nam, đó không phải là thơ của Tào-mạnh-đức hay sao phía tây trông về Hạc-khẩu, phía đông trông về Vũ-Xương, núi sông dài dặc, rậm rạp xanh rì ấy không phải là chỗ mà Mạnh-đức đã bị khốn về Chu-lang (2) hay sao ? Hồi tưởng lúc Tào phá được Kinh-châu, hạ được Giàng-lãng, rồi thuận buồm đi xuôi, rồi là thuyền bè ngàn dặm, cờ quạt rợp trời, qua trên sông mà thưởng rượu, cầm ngang gươm mà làm thơ, thiệt là anh hùng một đời vậy mà nay ở đâu rồi ? Thương chỉ tôi với Lác, câu cá, kiếm củi ở trên bờ sông, làm bầu bạn với tôm cá lư-cu nai, cuối chiếc thuyền con cấp lầu rượu mà nói nhau : ngẩng nhìn trong trời đất lúc kiếp phũ du (3) nào khác một hạt lúa trong lẽ rộng thương cái đời ta chốc lát, mà thêm cái trường giang vô cùng, lòng vẫn muốn cấp năng tiến đi đua chơi, ôm mặt trăng cho tròn đời; biết ước ao như vậy là huyền, nên chỉ mượn tiếng sáo mà tỏ nỗi lòng với cơn gió thể lương vậy ». Tô-tử nói rằng : « Khách có biết chăng : nước vơi trăng ? Nước chảy như vậy mà không

(1) Giao long là con thường luồng (cá sấu).

(2) Chu-lang tức là Chu-Du.

(3) Phũ-du một từ trong triêu sinh mộ tử, nghĩa là sáng sinh, chiều chết, ví kiếp ngắn ngủi người đời.

(1) Ở trong thơ Minh-nguyệt có chương yêu-niên ý nói về cái đời của người, không chắc mà lại quý sắc đẹp.

Bao giờ hết, trăng khi tròn, khi khuyết như thế mà không bao giờ mòn đi hay lớn thêm; nên chỉ làm cái biển thì đầu trời đất cũng em a được một chớp mắt; mà bản về không biến thì vật với ta đều không hết cả, thế thì việc gì phải thêm thuong? Vả trông khoảng trời đất, vật đều có chủ, nếu không phải của ta, thì một mây lông cũng không thêm lấy; nhưng gió mát ở trên sông, trăng sáng ở khoảng núi, lọt vào tai là thành tiếng, trông vào mắt thì thành sắc, lấy cũng không hết, dùng cũng không hao, đó là cái kho vô tận của trời đất mà tôi với bác đều thích cả. Khách nghe mừng và cười. Lại rửa chén rót thêm rượu uống. đồ nhắm đã hết, mâm bàn ngồn ngang, cùng nhau nằm ngủ trong thuyền; ở phía dòng mặt trời đã lên mà cũng không biết nữa.

Bài dịch.— Cùng năm ấy về ngày rằm tháng mười tôi đi bộ từ Tuyết-đòng (1) sắp về đình Lâm-cao (2) hai người khách theo tôi qua đèo đất Hoàng-nê. Lúc ấy sương mù đã xuống, lá cây rụng hết; cúi xuống đất thấy bóng người, ngó lên trời thấy trăng sáng. Thấy cảnh vui mừng cùng hát với nhau. Tôi phàn nàn; « Có khách không rượu, có rượu không đồ nhắm, giăng soi, gió thổi, đối với đêm nay ta tính sao? » Khách nói: « Hôm nay về buổi chiều, tôi đánh lưới được một con cá, miệng to, vẩy nhỏ, giống như một con cá lô ở Tung-giang, nhưng rượu thì kiếm đâu bây giờ? » Tôi về bàn với vợ, vợ tôi nói: « Thiếp có hũ rượu, cất đã lâu lắm để chờ chàng lúc có cần tôi ». Thế rồi chúng tôi mang rượu cùng cá, lại đi chơi dưới Xích-bích.

Nước sông vừa chảy vừa kêu, Lờ dăng lên hàng ngàn thước, non cao trắng nhỏ, nước xuống đá lồi, nghỉ lại ngày tháng chưa bao, mà non sông nay đã không nhận biết được nữa. Tôi bèn ôm áo đi lên, bước lên hiềm hóc, rẽ bụi rậm rì, ngồi trên những tảng đá hình như cộp như beo, treo trên những cây cối không khác loài rồng rắn, tay vin đến tổ chim thê cốt (3) cúi xuống đến

(1) Nhà làm giữa mùa tuyết xuống, nên gọi tuyết đường.

(2) Lâm-cao tên cái đình.

(3) Thê cốt cũng đọc là Thê hoạt, loài chim thuộc về loài ưng (diều, á) đêm khuya thì thê cốt dễ lộ cao.

u cung (1) thần Lăng-di (2). Hai người khách không theo tôi, lên âm ỹ lên, vang động cỏ cây, van ở núi, tiếng dội vào hang, làm cho nỗi gió khuấy nước lên. Tôi cũng ngăm ngăm cỏ ỹ e sợ nghĩ không có thể lưu lại được nữa; mới trở lại bên thuyền buông ra giữa vôi cho thuyền trôi đến đầu hay đến đấy. Giời đã gần khuya, bốn bên lạnh lẽo, lúc đó có con nhạn, từ phía đông bay ngang qua sông, cánh như bánh xe, áo trắng quần huyền (3) kên âm ỹ lên, rồi từ phía thuyền tôi mà bay về phía tây. Một chốc khách đi tôi cũng về nhà ngủ, bỗng chiêm bao thấy một người đạo sĩ bận áo lông, khắp khênh qua dưới đình Lâm-cao chào tôi mà hỏi rằng « chơi-Xích-bích có vui không? » Tôi hỏi tên tuổi là gì, người đạo sĩ không đáp.

Hỡi ôi! Ta đã biết rồi, hôm qua vừa bay vừa kêu, qua chỗ ta đứng, không phải người có chăng? Người đạo sĩ ngảnh lại cười, tôi cũng tỉnh giấc, mở cửa nhìn ra thì chẳng thấy đầu nữa.....

(1) U-cung là nhà kín ở chỗ âm-u.

(2) Lăng-di là thủy thần, sông sâu thì bằng định ghi ở u-cung là nói sâu lắm; hai chuyện trên bất tất là có, đây chỉ nói ý đi chơi ngông cuồng lắm.

(3) Áo trắng quần huyền chỉ cánh lông con chim.

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

Ả LÃ CỐ BẢN

LY THUONG KIET

bắc phạt giá 2\$00

Một phương pháp nghiên cứu danh nhân lịch sử khác hẳn các phương-pháp nghiên cứu từ trước đến giờ ở xứ ta.

SẮP CỐ BẢN

KINH TẾ HỌC

phổ thông

Của NGUYỄN HẢI AU

HAN THUYEN

71, Tién-Tsin — HANOI

PHÁO BÌNH-ĐÀ

PHAN MỸ

Pháo Bình-đà ! Cách đây 15 năm Tết đến ở Hà Nội, Hà-đồng còn ai là không biết tiếng. Tiếng pháo Bình-đà nổi có khác gì khu vang phong trào nội hóa hồi bấy giờ, xác pháo Bình-đà tươi như hơn hởi về sự đặc thắng của nền kỹ nghệ ta. Mà lịch sử nghề pháo này thật lắm đoạn ly kỳ. Chỉ ở trong phạm vi nhỏ một làng, mà đã chịu ảnh hưởng của những việc quốc tế. Lịch sử thịnh suy dần dập trong vòng mười năm (1920-1930). Đó cũng là một điều đặc biệt. Phần nhiều muốn tìm can nguyên của một tiểu công, muốn biết nghề đó kết liễu ra sao, là việc rất khó. Vì những tài liệu hoặc chưa có hoặc đã thất lạc đi rồi. Nay như nghề làm pháo thủy chung đều rất gần ta. Những người đã dự vào lịch sử nghề này phần nhiều còn sống cả. Cho nên ta có thể biết tường tận được tất cả các giai đoạn của thiên lịch sử đó. Từ ngày khởi thủy qua thời thịnh đạt cho đến lúc suy vong.

*

1.— Khởi thủy nghề làm pháo ở Bình-đà

Ông Robequain trong cuốn Evolution économique de l'Indochine cũng như ông Gourou trong cuốn Les Paysans du delta tonkinois thường lấy làm thắc mắc về cội nguồn ury của nhiều ngành tiểu công nghệ ở xứ này. Ngoài một vài nghề do sẵn có nguyên liệu, liên đường giao thông, còn có những nghề không biết vì sao lại phát ra. Xem như chuyện khởi thủy nghề pháo sau đây, thì đủ biết căn nguyên phát xuất của một tiểu công nghệ là một vấn đề rất phức-tạp.

Làng Bình-đà nguyên có tục dâng pháo gọi là pháo thờ. Có một cái đơn thuốc pháo, truyền đời nọ đến đời kia, người trong làng không ai được

tiết lộ (1). Ta cần phải nhận rằng ngoài tục pháo thờ đó ra, không có ai nghĩ đến việc làm pháo con đề bán.

Lúc đó ở xứ ta chỉ dùng pháo khách, chứ bên Tàu như Pháo hiệu Cờng - tường - Cát là có tiếng lắm.

Một vài con số pháo khách nhập cảng vào Bắc Kỳ :

NĂM	KI-LÔ	TIỀN
1908	540.625	83.500\$60
1909	227.754	41.240, 60
1910	226.487	35.237, 90
1911	242.507	38.804, 10

Trung bình mỗi năm là 50.000\$00.

Năm 1910 ở trường Bách-công Hà-nội (Ecole Professionnelle) có ông Pouchat đảm nhận việc lập kỹ nghệ pháo ở trường đó. Có được được mấy người thợ ở Quảng châu Loan sang. Công việc xem ra cũng có kết quả. Song nghề pháo chưa hề truyền bá đi các làng, mà phần nhiều người Nam vẫn dùng pháo khách. Tột nhiên vào hồi 1919 có xảy ra phong trào tẩy chay hàng khách, Người làng Bình-đà mới nghĩ đến việc làm pháo con đề cướp một mối lợi của dân Trung hóa. Chỗ khó nhất là pha thuốc nổ, thì nay đã có đơn thuốc của tiền nhân truyền-lại. Chỉ phải tính sao cho trọn việc cuốn pháo cầm ngòi. Bước đầu còn vụng về. Sau lần mò mãi, mỗi ngày lại một thêm tinh xảo. Mà xem ra cũng không có gì là khó. Vốn liếng bỏ ra không mấy. Dụng cụ rất sơ sài. Món hàng tiêu thụ

(1) Xem bài Pháo-thờ của Nguyễn Ngọc Minh đăng trong Số Tết T.N.

Lại rất dễ, và lãi được rất nhiều. Người trong làng đua nhau làm. Nghề làm pháo bắt đầu phom từ đó.

2.— Tính cách của nghề làm pháo

Khởi thủy như vậy, nghề làm pháo ở Bình Đà gồm đủ tính cách của một nghề công nghệ: không cần phải có nhiều vốn, thủ thuật lại rất hợp với việc xếp đặt nhân công ở chốn quê.

A. Vốn đề vốn.—Vốn bỏ ra phần lớn để mua nguyên liệu và để sắm dụng cụ.

1.) Nguyên liệu.— Giấy và thuốc

Giấy cuốn pháo lúc đầu còn mua ở Bưởi và ở mấy làng Hồ-Khâu và Yên-quyết ruộm mầu. Sau chỉ mua giấy ở Đáp-Cầu. Có thứ pháo cuốn toàn bằng giấy đỏ gọi là toàn hồng, hạng này ngời sánh pháo cườm vì kêu hơn và xác đẹp hơn. Lại có thứ bằng bìa cứng (carton) chỉ có mặt ngoài phủ một lượt giấy hồng, hạng này thông dụng hơn. Xe ngời pháo dùng một thứ giấy rất dai, gọi là xa chỉ. Làng Bưởi cũng có thể làm được thứ giấy đó nhưng phần nhiều lữ mua ở các hiệu Khách.

Thuốc gồm có ba chất: thuốc trắng (chlorate de potasse) thuốc vàng tức diêm sinh (soufre) và than xoan (carbone).

Thuốc trắng phần nhiều mua ở các hiệu Thuốc tấy. Thuốc vàng mua ở các hàng tạp hoá. Còn than xoan thì trong làng đã có sẵn. Tới khi số xoan dần dần vơi, phải đi mua than ở ngoài. Thường mua ở chợ Ba Thá (miền gần rừng). Có một chỗ đáng để ý, là từ ngày nghề pháo bỏ, thì ở chợ này không thấy bán thứ than đó nữa. Người ta luận rằng than đó bỏ đi rừng làm riêng để bán cho người làm pháo. Ngoài hai thứ chính đó, giấy và thuốc, còn có những thứ phụ: như đất sét, xi-măng để bịt pháo cho kín, vì càng kín pháo kêu lại càng to.

2.— Dụng cụ

Bảng dụng cụ (do ông Barbotin kê)

TÊN	SỐ	GIÁ 1	Giá tất cả
Dao rọc giấy	1	1\$80	1\$80
Bàn xén giấy	1	2, 00	2, 00
Thước gỗ	1	0, 15	0, 15
Đá mài	1	0, 50	0, 50
Bàn lăn pháo	4	6, 50	26, 00
Thế con	4	0, 25	1, 00
Khuôn đồng thốt	2	0, 25	0, 50
Máy bập pháo	2	5, 50	11, 00
Thuyền gang tán thuốc	1	6, 20	6, 20
Cái rây	1	0, 05	0, 05
Cái mẹt	1	0, 05	0, 05
Con dao phay	1	0, 50	0, 50
Mảnh tuốt ngời	2	0, 50	1, 00
Lược cùn ngời	2	0, 04	0, 08
Bàn làm ngời	1	2, 00	2, 00
Cái ghế giải	1	1, 00	1, 00
Bàn đóng thuốc	1	1, 20	1, 20
Chậu sành	1	0, 20	0, 20
Cái nanh	2	0, 60	1, 20
Sắt bán nguyệt	2	0, 50	1, 00
Cái chực làm pháo	1	0, 06	0, 21
Cái dùi ngời	2	0, 10	0, 20
Cái chấu	1	1, 70	1, 70
Cái xông	1	0, 20	0, 20
Cái chum	1	2, 00	2, 00
Cái chậu sành	4	0, 20	0, 80
Cái thùng	4	0, 07	0, 28
Hòm đựng ngời	1	0, 80	0, 80
Thước đóng bánh	2	0, 25	0, 50
Con dấu	1	0, 25	0, 25
Nồi quấy hồ	1	0, 03	0, 03
Cái càn	1	0, 50	0, 50
	55		61, 03

Trên đây là kê đủ các thứ dùng ở Trường Bách Công hồi 1913. Ở Bình-Đà lối làm pháo đã tinh xảo hơn nên dụng cụ giản tiện hơn và ít hơn. Tự trung chỉ có vài thứ là cần thiết. Như bàn cuốn pháo hay lăn pháo.

Bàn này có hai mặt như hai bàn tay áp vào nhau: mặt dưới bất động, mặt trên có thể đẩy đi đẩy lại được. Tờ giấy cặp vào một chiếc gong ô đặt vào giữa. Kẹp mặt trên một cái như bàn tay nọ xoa lên bàn tay kia, tức là kéo giấy cuộn thành hình quả pháo. Rút gong ô ra thành nòng rỗng ở giữa để

sau nhồi thuốc và cắm ngòi. Lúc đầu mỗi lần kéo chỉ được một quả. Sau ngẫm cách làm bèn rộng mặt trên lại có lắp những lưỡi dao xén xếp song song. Lúc kéo, vừa cuốn giấy, lại vừa xén giấy. Thí dụ có sáu lưỡi dao thì được bảy quả pháo. Làm xong quả pháo rồi mới đem cắm ngòi rồi cho vào dao bập. Dao bập đại lực cũng như một cái dao cùn. Duy chỗ lưỡi trên kê vào nên thót được đều khoét một lỗ con. Kéo đầu pháo vào đó, bập một cái, tức khắc có tiếng nổ chát để giữ ngòi. Pháo có ngòi bập xong đều xếp trong một cái ô gỗ vuông, đầu chức xuống; xếp sao cho đáy những chiếc pháo thật tày. Lúc đó mới quét thuốc vào. Sau cùng khi đã đủ thuốc, bèn rắc xỉ-măng vào đáy quả pháo rồi phun nước, như thế là quả pháo rất chặt tức là rất kếu.

Ngoài ra những dụng cụ khác đều chăm chú được. Thành ra vốn bỏ ra để sắm dụng cụ và mua nguyên liệu chỉ độ nam chục bạc là đủ làm. Đó là nói những nhà túng. Chứ bọn nhà giàu thì vô cùng: họ mua tích trữ được nhiều giấy nhiều thuốc, như thế đỡ tốn phí đi lại, mà nhất là cách tổ chức nhân công lại hoàn bị hơn.

B.— Vấn đề nhân-công

Nghề làm pháo rất dễ học, dễ làm, lại rất hợp với lối xếp đặt công việc của dân quê.

Việc cuộn giấy, xe ngòi, nhồi thuốc, tết, pháo, đều là những công việc nhẹ nhàng, đàn bà, trẻ con, người già đều có thể làm được cả. Đã không cần phải sức vóc mạnh; mà cũng không cần phải khéo léo cho lắm. Như làm đồ sành sứ chạm chổ còn phải học nghề lâu, sao cho biết tính toán xếp đặt cho đáng ngữ. Chứ đang này đã sẵn bản cuốn, dao bập, nhưng dụng cụ rất sơ sài nhưng công dụng khác gì cơ khí. Kéo bản cuốn, bập pháo, chỉ học ít ngày là đã thiện nghệ rồi. Duy có một chỗ là như cách tổ chức công việc hoàn bị thì được việc hơn. Trong những nhà trường vốn sẵn thuốc sẵn giấy thường chia công việc ra: có người pha thuốc, có người cuộn pháo, người tết ngòi. Ai đâu cứ chuyên công việc này. Cho nên tinh xảo có phần hơn, mà lại đỡ mất thì giờ. Đó là một thể phân-công ít khi thấy trong nền tiểu công vậy. Còn phần nhiều là nhà ít vốn. Có giấy thì không thuốc, có thuốc lại không giấy. Công việc hỗn độn thành mai nhiều công,

Công việc đã dễ mà được cái làm lúc nào cũng tiện. Ngoài việc đồng áng, lúc nào rảnh tay lại lấy pháo ra làm. Ban ngày ban đêm, khi nắng, khi mưa, lúc nào làm cũng được. Đồng đồng trong một năm thì làm sáu bảy tháng. Hồi mạt nhất là từ tháng tám cho đến tháng giêng. Hồi đó tiêu thụ rất nhiều: cưới xin, khao vọng, tết nhất đều về mùa đông, mùa xuân. Và lại thời tiết khô ráo, đỡ phải xây thuốc là một việc phiền phức và nguy hiểm. Đại loại là thế chứ thật ra lúc nào rảnh là dân lại làm pháo. Thí dụ như tháng 7 tháng 8 sau công việc vụ chiêm, tháng chạp tháng giêng sau công việc vụ mùa, là những lúc nghề pháo rất vui. Nói tóm lại người dân quê coi tiểu công nghệ không phải là một nghề chính, mà chỉ là phụ vào nghề nông. Chỉ lúc nào rảnh tay việc đồng áng mới làm. Cho dầu làm tiểu công có lợi gấp mấy đi nữa dân quê vẫn trọng nghề nông hơn. Có lẽ họ nghĩ rằng đó chỉ là cái lợi nhất thời tựa như bổng lộc chứ nghề nông là nghề căn bản của ta.

Đó là một lý luận dân dị, chưa chắc đã là sai.

Ông Gourou đã nhận ra rằng nền tiểu công xứ này căn cứ vào chỗ sản nhân công. Là vì công việc canh nông lúc rất bận, lúc rất rảnh.

Trong một năm có mấy tháng bận cấy gặt, lại có nhiều tháng không có việc làm. Mà nói ngay đến vụ cấy cũng có lúc được làm, có lúc phải nghỉ. Đổ xuống một trận mưa vàng mưa bạc, là kẻ cấy người bừa, kẻ nhổ mạ người cấy, tấp nập từ sáng đến chiều. Gặp khi đại hạn đánh bó tay ngòi rồi. Lợi dụng những lúc rảnh đó mà làm thêm một nghề để kiếm đủ ăn, ấy là chỗ đặc biệt của bọn tiểu công xứ này. Xem như nghề pháo đậu được, không phải là vì sẵn nguyên liệu mà cũng không phải tiện đường giao thông, mà cốt ở chỗ sản nhân công vậy.

3.— Thời kỳ thịnh đạt của nghề pháo

Trong làng Bình-đã tất cả có độ 100 nhà làm pháo. Trung bình mỗi nhà có 4 người. Mỗi người một việc tất cả làm suốt ngày được chừng 50 thước ta pháo, mỗi thước độ 100 đến 110 quả, vì chi phần của mỗi người là 12 thước rưỡi (lúc 5m) Tiền vốn một thước ta (0m40) kể tất cả các khoản chi phí là 0\$11 về hạng toàn hồng, 0\$08 về hạng bìa cứng. Bán buôn mà được giá thì hạng trên là 0\$18, hạng dưới 0\$15, mà có rẻ lắm thì cũng

được 0\$15 hàng ngàn hơng, 0\$12 hàng bia cũng, Vị chỉ trung bình một thước ta pháo được lại là 0\$05. Một người cắt lưc làm một ngày, kể cả ăn rồi, còn kiếm lời được $0\$05 \times 12,5 = 0\$62,5$. Hồi đó công cấy công cấy chỉ độ 0\$10. 0\$15 là đủ rõ làm pháo lợi đến thế nào. Pháo làm ra có nhiều cách tiêu thụ: những nhà trường vốn cho in nhãn hiệu gói ghém tử tế, lối trình bày không kém gì pháo Tàu. Hiệu đề là « Pháo Bình Đà » hay là « Nam Hải Hoàng Hoa », bốn chữ này do ông Tổng đốc Hà động trọn cho. Có nhà mở hiệu ở Hà đông chuyên môn bán pháo như hiệu Nam hải minh châu ở phố hộp Kèn, lại có nhà đem gửi các hiệu ở Hà nội bán giúp. Còn như bọn ít vốn lúc đầu phải bày mẹt đem ra chợ bán. Nhưng sau chỉ nhận pháo thừa: ai có công việc khao vọng cưới xin đến thừa tại Bình-đà; lại có người khách thừa pháo, đem về dán nhãn hiệu Tàu để bán được giá đắt. Tiêu thụ rất mạnh nên phần nhiều là pháo làm ra không đủ bán.

Thời kỳ toàn thịnh quy vào 3 năm 1926-1927-1928. Chính hồi đó lòng hào lộng hóa đương hồng bột. Các báo chí đều cổ động việc ủng hộ chấn hưng công nghệ nước nhà. Như ông chủ hiệu Nam-hải-minh-châu thường thường vẫn nhận được thư từ các nơi khuyến khích. Nhà cầm quyền cũng hết sức nâng đỡ. Hàm việc vui mừng phải có pháo Bình Đà mới quý. Đốt pháo Bình Đà đã thành một việc xu thời.

Nghề pháo phát đạt là thế, nhưng lại có chỗ rất nguy hiểm. Chỉ sơ ý một chút, là có thể nguy đến tính mạng. Khi pha thứ thuốc vàng, trắng, than chưa chọn thì không hề gì; nhưng khi đã trộn rồi thì rất dễ bén lửa. Một ông cụ có công về nghề pháo này có kể cho chúng tôi nghe câu chuyện sau đây: « Hôm đó các quan khách ngoài tỉnh về làng chúng tôi xem nghề pháo. Các ngài đều họp trong một gian đình. Lý dịch mời thuốc lá. Nhưng chưa ai châm vì ai cũng chú ý đến việc pha thuốc. Bày trên bàn có ba chậu thuốc, trắng một, vàng một, than một. Xắn tay áo tôi thưa rằng: « Ba thứ này, chưa chọn thì chưa thể nổ được. Xin thử đề các quan xem ». Vừa nói tôi vừa gạch diêm đi vào chậu thuốc trắng. Phút chốc, không ai bảo ai, các quan đều lật đật dãn ra; có người lại chạy xa, vẻ một sợ hãi. Tôi cười bảo rằng: « nếu có nổ thì

tối chết trước. Mà các quan là phụ mẫu, đối nã con lại dám phẫn cha ». Bấy giờ tôi mới bắt đầu pha thuốc. Các quan lại an tọa, hồi nhau lấy diêm đề đốt thuốc lá. Tôi vội thưa rằng: « Thuốc đã bắt đầu trộn, chỉ một tàn lửa nhỏ có thể nổ cháy hết. Xin hãy bỏ thuốc lá đi ». Quan Tổng Đốc bèn hạ lệnh vứt hết thuốc lá. Trẻ con nhốt được thại là mừng. Trộn xong, tôi lấy một dùm đặt ngoài sân, dùng cái sào màn đập có buộc mỗi lửa. Di vào đó: quả thuốc bùng lên. Các quan xô tay khẹn ngợp ».

Thuốc trộn rồi bén lửa là thế, nên sảy ra hỏa hoạn như chơi. Cần phải thận trọng từng ly từng tí. Trộn thuốc phải dùng tay; nếu dùng một vật cứng, sát vào chậu là đủ nóng để làm cho thuốc nổ. Lại như lúc cắt ngòi. Đem chụm lại như ba đũa rồi lấy dao cắt. Mỗi nhát lại phải thùng dao xuống nước, mà không được cứa đi cứa lại, chỉ một nhát thôi. Nguy hiểm nhất là sấy thuốc. Vào những hôm mùa, thuốc bị ẩm, cần phải sấy thì pháo làm ra mới kền. Người sấy cần phải có can cầm giữ một thuốc cho thổi, lại phải hết sức tỉnh ý, sao cho khi đến thì bỏ ngay ra, chứ giả một chút là bén lửa. Cơ hội sảy ra tại nạn kể sao xiết, nhất là nghề này lại nhiều đàn bà trẻ con làm. Trong vòng mười năm, cháy vật thì không kể, còn cháy to độ năm sáu lần, nạn nhân chết cháy độ mười người. Nhưng chỉ có những nhà bắt cần là hay bị.

Có nhà làm nhiều nhưng hết sức trông nom thì không hề gì.

4.— Mạt vận của nghề pháo

Tiền công nghệ nhường chỗ cho một nền kỹ nghệ mới.

. Bộ thuộc địa năm 1930 cho thảo một đạo sắc lệnh thay vào đạo sắc lệnh cũ 18 Octobre 1913 (đạo này không hạn chế nghề pháo). Sắc lệnh mới do ông Gaston Doumergue ký ở Paris hôm 22 Novembre 1930. Gửi sang Đông-Duong Lan hành do nghị định 12 Janvier 1931 (xem Recueil Daresté de législation, de doctrine et de Jurisprudence coloniale 1931 trang 186 và Journal officiel de l'Indochine 1931 trang 163).

Sắc lệnh 22 Novembre 1930 định rõ việc chế các thứ thuốc nổ. (kể cả thuốc pháo) tất cả có 9 điều. Đại ý dành riêng nghề chế thuốc nổ cho người có quốc tịch Pháp.

NGOI TRONG CỬA SỔ

(Tiếp theo trang 7)

Bỗng chốc, bà ta lùi lại : mẹ Urbaine sau lưng tôi nhô ra, cầm lấy tay tôi mà chùi rồi nắm đống chai lọ vút tung ra đường. Lọ vỡ trong vũng nước thành từng vết đỏ, xanh tuồng như chai nước tò mò đều sát chân người bạn gái của lão Vore để phản chiếu lấy bóng. Người đàn bà nhặt chiếc lọ ở n sát lại, một chú lọ bé nhỏ, lùn và luống vấp nguyện lành rồi vừa khóc vừa dơ tay để mẹ Urbaine.

Mẹ này đứng chờ yên lặng, hai tay chống hông, cửa sổ đóng khùng lấy người. Ông lão Morin lại gần ra vẻ chế nhạo. Anh lò rên ra khỏi nhà, tay áo vén như sắp trừng phạt ai ; bác thợ bạn cũng đi theo, chiếc kim trong tay còn cặp miếng sắt sè sè dưới giọt mưa. Rồi đến anh thợ khóa cầm chiếc búa. Ai nấy chừng như sửa soạn một cảnh nhục hình.

Bọn thợ tập việc gọi tên mẹ Amanda rồi gọi tên mẹ Violetta, tình chuyện mượn hôn. .

Lão Morin, tay chống gậy bàng quơ một câu :

— Chà, bà con gái tôi ơi, lọ quyết là vỡ rồi.

Cái người con gái ông già yên lặng cảm mồi như ta ngẩn rưng rồi quay đi, vừa đi vừa chùi ngón tay bị mảnh sành rạch đứt. Urbaine đứng yên ngắm mấy mảnh chai lão Morin đang lấy gậy gõ, ngắm phố phường, nhìn bóng nắng giờ lại để chứng kiến sự đắc thắng của mẹ. Nhưng dưới đất có mùi long não với ý-ốt bốc lên nên mẹ vội đóng cửa lại.

Tôi quay lưng đi vào giòng, vì không biết nên cho mẹ là có lỗi với người đàn bà là một sự phản.

Urbaine đi lại phía tôi, triu mến âu yếm.

(Còn nữa)

« Điều 2. — Chỉ những người có quốc tịch Pháp
« hay những hội kè sau đây mới được quyền sở
« hữu, chiếm hữu hay khai khẩn những xưởng chế
« chất nổ. Những hội phải lập theo đúng luật
« Pháp, đã đem trước hạ điều lệ ở Pháp. ở thuộc
« địa Pháp hay ở các xứ bảo hộ. Trong những hội
« cổ phần phải 3/4 số hội viên ban trị sự hay
« quản sát, kể cả hội trưởng, phải những người
« đại biểu hay quản lý cũng như những người
« giám đốc, đều phải có quốc tịch Pháp. Trong
« những hợp danh công ty, tất cả các hội viên
« trách nhiệm cũng những quản lý quản đốc đều
« phải có quốc tịch Pháp. Bao nhiêu nhân viên
« giám đốc các xưởng, kể cả người đứng đầu việc
« chế thuốc cũng như những người giữ sổ sách
« đều phải có quốc tịch Pháp.

« Điều 3. — Chỉ những người có quốc tịch Pháp
« và những hội kè trên mới được phép Luân bán

« chất nổ. Duy sau khi đã hỏi ý kiến ban thưởng.
« trực Hội đồng chính phủ, ông Toàn quyền có thể
« cho phép đặc biệt chăm chú các điều này ».

Theo luật lệ mới, dân Bình-đá không làm được pháo trong làng nữa. Nghị định 3 Novembre 1931 (J. O. C. 1931 trang 3415) cho phép một người Pháp mở xưởng pháo ở hạt Bình-đá.

Lập xưởng xong, nhà doanh nghiệp đó cũng có gọi dân Bình-đá đến làm công. Nhưng đến đây mọi nền kỹ nghệ có tính cách khác nhóm lên. Nền tiểu công nghệ đã hết lợc (1).

PHAN MỸ

(1) Về kỹ nghệ pháo ở trường Pách công hội 1913 xem bài của Barbotin « Industrie des Pétards du Tonkin » Bulletin économique de l'Indochine 1913 — trang 834-841-

Truyện dài

NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

ĐỖ ĐỨC THU

III

Mình không đẹp. Nàng không sợ cậu nhan sắc khêu gợi thêm muốn của người đến gần, phượng cũng không có những khuyết điểm để cho họ phải lảng tránh. Nàng là người con gái bình thường từ ngôn ngữ, cử chỉ cho đến tư tưởng nhan sắc.

Ngày tuổi đầy thì thân thể đầy đủ của nàng đã có cả vẻ đầy đủ của người thiếu phụ. Còn duyên hòa chàng ở đôi mắt long lanh, hàm răng đen và đôi môi ăn trầu cần chỉ. Một lối y phục, theo với địa vị xã-hội của gia-dinh — một gia-dinh buôn bán, tầm tảo — không loại gì cho nhan sắc. Bộ quần áo vải chỉ đủ giúp thân thể chống với phong sương. Sau này khi đã lấy Khôi, nàng có thay chiếc quần trắng, áo màu cho hợp thời, nhưng vẫn mang cái vẻ làm ăn, cày mịch, đi truyên của các dân sinh thành.

Mình lấy Khôi, không phải do tình ái địa thiết của những tâm hồn nồng nàn hay lãng mạn. Nàng lấy Khôi, vì con gái lớn phải lấy chồng. Khôi đang trọ học ở nhà Minh, cùng với Kiên, Chi, Hợi, mấy cậu học-trò bạn thân-thư, những người có thể làm chồng-sứng đáng của nàng. Nếu được tự ý lựa chọn, chắc Minh đã bằng lòng Kiên, anh chàng nhàn nhện, bạo dạn, và trong sự gặp gỡ đụng chạm dĩ nhiên của người ở chung nhà, có lúc Kiên đã cợt bỡn Minh, gây được chút cảm tình với người con gái. Nhưng đó mới là một cảm tưởng nhẹ nhẹ, hay hay, chưa đưa được tới tình yêu.

Ở trường sinh ra Minh thấy sự thực rõ hơn con. Ông biết gia thế Kiên, hiểu rằng trong cái tương lai một gia đình trờng giả xây dựng cho chàng, không có chỗ cho cô con gái nhà hàng xóm. Họ còn nhún cao hơn, xa hơn. Ông thấy Khôi hợp cho Minh hơn, người học trò đứng đắn, hiền lành ấy cũng sẽ có cơm ăn, việc làm, nuôi nổi được vợ con. Đến trước hết là Minh sẽ không bị khổ. Chuyện cơm áo vẫn là điều kiện cần thiết nhất cho nhiệm vụ bậc cha mẹ trong việc gây dựng các con. Mà biết đâu. Khôi chẳng đi đến một tương lai rực rỡ, vượt ra hẳn cái phận tiểu-công-chức mà sự học đương thời như đã dành cho. Khôi còn đang đi học, và nếu lực giúp đủ

cho tài, thì anh học-trò nhu mì, thông minh ấy còn ư nhiều hy vọng đi xa.

Khôi được biết dài hơn bọn trọ học. Chung quanh có sự bao bọc, siêng sóc của chủ nhân đã coi chàng như người nhà, và Minh coi chàng như một vị hôn phu. Không ai nói ra, nhưng một sợi giây tình cảm đã ngầm ngầm buộc chặt mấy người. Mấy người bạn Khôi đã hiểu ngay tình thế ấy: họ thôi không bỡn cợt Minh, coi như một đóa hoa có chủ. Họ lại từng dâng nhau đem những lời uân làm mình bạch một trường-hợp còn đương lúc mập mờ.

Trong cảnh ấy, Khôi cũng thấy hay hay. Ngay khi còn trong gia đình, anh chàng dút dặt, hiền lành ấy cũng chưa từng được hưởng nổi ân yếm, siêng sóc của người thân. Gia đình chàng quá nghiêm, từ ông bố thường bực với mấy pho sách cổ, đến bà mẹ chợ búa, tảo tần đồ mưu sống cả nhà. Bây giờ, Khôi thấy chàng là trung tâm điểm một cuộc đời mà người ta đã đổ ý. Ý nghĩa sự sống bắt đầu. Sự bao bọc dầm thấm chung quanh làm dịu bớt khắc khổ một tâm hồn ít được yêu thương. Tình tình có được dịp côi mờ, trực tiếp với người bên. Lại đương lúc của người vừa lớn, tâm tình vừa phát động, thì gặp ngay người con gái cũng đương lúc đầy thì. Khôi không kịp tách bạch, không kịp thấy Minh xấu hay đẹp, dâm hay dãn. Chàng chưa rõ tâm tình Minh, không rõ người con gái ấy có hợp cho chàng trong việc xây dựng tương lai. Thật ra, anh chưa có quan-niệm rõ ràng về tình ái, còn về tương lai, cũng chỉ có ý nghĩ lơ mơ. Chàng không đắn đo, không suy nghĩ, tự để trôi theo cái mào mới nhóm của ton tim.

Trong cuộc tình ái cổ con không sống gió, không khắc-khối, mọi việc đều rõ ràng dễ-dàng. Cuộc đời không còn uân khúc, việc đời sẽ theo ý mọi người. Khôi tin ở sự thành công của các điều dự tính, càng nín lấy ý muốn viết văn.

Sau khi lấy vợ, và đã bằng thành chàng, Khôi nhất định không tìm việc ở các công sở, trái với lòng mong đợi của mấy người thân, muốn cho chàng có cơ sở vững chắc. Chàng không muốn giam mình vào con đường trái

với lòng hoài bão. Minh vì dần dần gầy yếu, mất sức, với người thân yêu. Khi thấy mình theo dục ý mình, cần phải biệt lập. Muốn tìm thời giải quyết trường hợp ấy, Khôi nhận việc nhà buồn, và mang vợ đi theo.

...

Khỏi đi khỏi, Minh thu dọn đồ đạc trên bàn, nhằm tính đến chuyện ăn uống hàng ngày. Bữa cơm trưa không đáng kể. Khi đi làm ở ngoài tiền đến chiều tối mới về. Minh thường chỉ ăn qua loa. Buổi tối, Khôi ở nhà, làm cơm mới có món ngon lành, và bữa ăn mới thêm vẻ yên vui.

Thế mà chiều nay Khôi lại không về! Độ này, Khôi hay đi thâu đêm. Minh có ý bất bình mà không dám nói ra. Nàng hiểu rằng nói ra chỉ mang tiếng ghen tuông, không những không giữ được Khôi, lại càng thêm gay gắt. Ít lâu nay, không hiểu vì lẽ gì, tính tình người như thay đổi. Có người đã ít nói, lại càng thêm lầm lì. Một điều trái ý, một câu hỏi gặng, là chàng sinh gắt gỏng. Tình vợ chồng trong mấy năm đã đẩy Minh một điều cốt yếu để giữ hạnh phúc gia đình: cần phải hoàn toàn phục tùng người chồng. Khôi rất độc đoán. Chàng đã định điều gì, làm việc gì, thường ít khi đổi ý, ít ai ngăn nổi. Hoặc có nói với nàng, thì cũng chẳng phải đến bàn bạc thiệt hơn, chỉ qua, chỉ đề cập một ý kiến tán thành.

Thì nàng tán thành!

Nàng đã quen theo ý chồng. Hơn hết những việc nhón nhủ trong nhà, đều tùy ý Khôi sắp đặt. Nàng càng thấy nhẹ mình, đỡ lo nghĩ. Thỉnh thoảng nàng có ngờ ý phản đối, thì lại bị lấn át. Nhưng nàng cũng cảm thấy chồng có một bản ngã vững vàng, cứng cáp. Dựa vào chồng, nàng thấy cái yên vui dựa vào một tâm hồn mạnh mẽ, sẵn lòng phục tòng để giữ lấy chút tình ái êm đềm.

Không phải vì ghen mà Minh không muốn cho chồng đi đâu. Chỉ vì nhà vắng quá. Đêm có chồng ở nhà, nó cũng đỡ lẻ loi. Một mình ở gian nhà rộng, trong một chốn quá lạ, nhiều lúc Minh thấy rợn rợn, nhất là về ban đêm nghe tiếng chó sủa, tiếng tù và của bọn tuần đinh, có chồng bên cạnh cũng được vững lòng. Trước kia, còn có một cô hầu gái. Nhưng đêm Khôi đi vắng, nó thường ngủ với nàng. Chỉ vì một điều trái ý của con. Khôi đã đuổi nó. Minh có bệnh con bé, bảo Khôi: « Anh đuổi nó rồi lấy ai mà sai, lấy ai làm việc vặt? » Khôi đã cau mặt, đôi lông mày giao lại thành một đường ngang: « Không có người sai thì làm lấy. Ngày có vài bữa cơm mà không trông nom nổi à? » Nàng không dám tranh luận với chồng. Sau lúc đó, Khôi có ôn tồn bảo nàng: « Thôi, để rồi nuôi đứa khác, lớn hơn, cho nó dễ sai. Đứa ít tuổi quá, ngu, khó bảo lắm. Nó có hiểu gì đâu? » Minh gặng hỏi; vẫn chưa thấy chồng nhắc đến chuyện ấy, chưa thấy định nuôi ai. Nhiều lúc Minh tiếc cái nhà cũ, một gian gác xếp vùng ngoại ô. Tuy không sang trọng, rộng rãi, nhưng được vui vẻ, ấm cúng. Ngoài những buổi làm, Khôi thường ở nhà. Có đêm cao hứng. Khôi đưa nàng đi coi chiếu bóng, xem hát. Minh ưa xem hát hơn. Nàng không hiểu gì về chấp bóng, thường bỏ

ngồi trong nhưng gian phòng quá rộng, giữa những người sang trọng, lạnh lẽo. Đều cảnh trên màn ảnh đối với nàng lại càng mờ mịt, nàng không hiểu tiếng nói, không biết họ chiếu tích gì. Thỉnh thoảng họa chăng có một vài cảnh vui mắt, mà nàng lại quên ngay. Những buổi đầu, Khôi có giảng cho nàng nghe, nhưng chỉ dục vài câu, anh chàng đã quên hẳn vợ. Minh đi xem chiếu bóng chỉ để chiếu chổng, và cũng là dịp được đi chơi. Những đêm ấy, vợ chồng có vẻ thuận hòa, thân mật hơn. Nhưng hôm nào, Khôi đi xem hát, nàng mới thấy vui vẻ hiếm hoi, tuy không dám đề lộ ra, vì Khôi không ưa những sự ồn ào, dù là biểu lộ của tình cảm, Minh cũng hiểu là Khôi chê nàng nên mới vào rạp hát. Chỉ một cảnh đầu, chàng đã chìm đi ngủ, bất chấp tiếng trống, tiếng thanh la, nào bắt inh tai.

Ở tỉnh, dù là ở ngoại ô — và nhất là ở ngoại ô — còn có cảnh vui vẻ, tập nập của người, xe qua lại. Chỉ ngồi nhìn cũng đủ hết thời giờ. Lại thêm việc chợ búa, cơm nước hàng ngày. Nếu có rảnh, Minh đến khu vườn hoặc ra cửa nhà người đi qua, tính nhăm một chuyến xe điện lên hay xuống để đi đến thị trấn về. Nàng không còn có lúc buồn.

Ở đây buồn quá. Khôi đã nhất định về ở nhà một người quen, trong chốn thanh nhàn này, mua xe đạp đi làm. Một chiếc nhà lá ba gian, giữa một khoảng vườn cũng hẹp. Cái nhà bỏ không đã lâu, đầy mùi ẩm, mốc mà người ở mấy tháng nay vẫn chưa là n. tan nổi. Thức ăn mua trữ sẵn trong tủ lạnh. Bữa ăn thường chỉ thêm một niêu cơm, hoặc nấu thêm bát canh, rau mua ngay bên hàng xóm. Minh rất nhieu lúc rồi, mà không biết làm gì. Có sang chơi với mấy người láng giềng, thì họ thường bận công việc. Hoặc họ coi nàng khác cảnh, một người ở tỉnh về, chồng đi làm việc sung sướng, an nhàn hơn họ. Chuyện trò cũng chẳng ra sao, Minh chỉ dành ở nhà đợi chồng, nghe một nghiến những cột tre, hoặc lã chuột rúc rích, hoành hành như ở chỗ không người.

...

Trời tối dần, khi lạnh tăng thêm. Minh đứng ở sân, nhìn theo mấy con gà mái chần con về chuồng, đã thấy rùng mình. Trong nhà đã tối, nhìn qua cửa không rõ bức tường sau. Mọi ngày, bây giờ là lúc nàng làm cơm chiều. Thường cơm vừa chín tới, thì có tiếng chuồng xe đạp: Khôi về.

Nhưng hôm nay Khôi không ăn cơm nhà. Bữa tối lại chỉ có mình nàng, ngồi ăn một mình. Minh thấy ngại, không muốn thôi, định rang lại ít cơm còn bữa sáng, ăn qua loa cho xong. Nàng tần ngần đứng đợi cho giờ tối hẳn, đóng kỹ cửa trước, rồi thắp đèn xuống bếp.

Minh ngồi ngay cạnh bếp, ăn vội mấy bát cơm rang. Tối nay nàng thấy rợn rợn, như sợ hãi một sự gì. Nàng thấy nhà vắng chung quanh yên tĩnh quá. Nàng có cảm giác như đi qua một bãi tha ma, lúc tối giờ. Nàng đóng chặt cửa ngõ, vặn to đèn ngồi đợi.

(Xem tiếp trang 24)

ĐỌC SÁCH MỚI

VŨ NGỌC PHAN *Nhà văn hiện đại HI Tân dân* — **LÊ THANH** *Cuộc phóng-văn các nhà văn Đới mới* — **PHAN TRẦN CHÚC** *Tĩnh đồ-vương (và thời Lê-Mạt)* Mai-Linh.

*

Cuốn *Nhà văn hiện đại* thứ ba này tỏ ra rằng ông Vũ Ngọc Phan đã có thay đổi phương-pháp phê bình của ông đôi chút. Ông đã chịu suy-xét nhiều hơn và ông đã biết chọn lọc. Cách dàn sách theo loại (hút-ký, truyện ký và lịch sử ký sự, phóng sự, phê bình và biên khảo, kịch, thơ) có còn chút gì ợng gao, bày đặt vào cũng chỉ vì các nhà văn của chúng ta hãy còn bỡ ngỡ, như kẻ quàng đèn, chưa biết rõ lối mình nên đi. Cho nên mới có một Thiều-Son chực viết chuyện dài, một Ngô Tất Tố chực phê-bình và khảo cứu. Bản vẽ các nhà thơ, Vũ-Quán đã có ý tìm cái đặc-sắc riêng để làm sợi chỉ giảng buộc lấy những lời nghị-luận. Đó thật là một ý-dịnh đáng khen.

Tuy vậy, những lời ông bàn chung về loại văn, nhưng đoạn ngắn ngắn ông giải bày về tính cách của từng loại đó, kẻ cũng có phần chín chắn, vẫn còn nhiều chỗ thiếu sót cần phải xem xét lại. Ví dụ như những ý-kiến của Vũ-Quán về phê bình hay-kịch. Ông chỉ chú-trọng đến cái địa vị giáo sư của nhà phê-bình, « dẫn đường cho độc-giả, tức là đọc giúp cho độc-giả, tức là vạch rõ chỗ hay và chỗ dở của tác giả, nghĩa là chỉ cho tác giả thấy rõ con đường nên theo », mà quên mất cái địa-vị sử-gia, địa-vị thông-tin của họ. Và chẳng phải đến cái quan-niệm nhà phê-bình là ông giáo cũng chưa được công nhận hẳn. Sainte-beuve chẳng đã nói rằng : « Đứng địa vị nhà giáo, tôi cảm thấy rằng bổn phận của tôi là din giữ lấy quyền-lợi của sự chùng mực, là giảng giải, cổ thủ tập tục. Nhà giáo chẳng phải là nhà phê-bình... Bản căn của họ vốn ưa ở li một chỗ, ít ra ngoài ». Những ý-kiến của ông Phan về kịch cũng còn phải xem xét lại. Có thật « kịch khác thơ ở chỗ thiết thực » chăng? Có phải kịch là « những cảnh đời thu gọn lại » không? Hay đó nói chỉ là quan niệm của phái kịch tả-chân?

Cứ kể mấy phải xét lại thì còn nhiều, ngay về thơ cũng vậy. Vũ-Quán viết có lẽ hơi vội vàng nên không khảo cứu được kỹ.

Nhưng cái đó cũng chẳng quan hệ chi cho lắm, nên ông Phan trong sự xét đã không nhiều lần tỏ ra rằng nhu nhược. Ông vẫn bám tỉ-mỉ dọc họ hết các sách cho chúng ta. Vì thế nên phê-bình ông Ngô-Tất-Tố chẳng hạn, ông đã liệt nhà văn đó vào hạng các nhà phóng sự mà ông vẫn còn tiếc. *Lều Chông, Thi văn bình chú, Văn học nhà Lý...*

Càng nghĩ, tôi càng thấy rằng Vũ-Quán ưa thông tin hơn là phê-bình. Đó mới chính là con đường chính mà ông lên găng lúc theo đuổi. Và cái mục tiêu-văn

courrier littéraire) ở các báo Pháp cũng có nhiều nhà văn danh tiếng viết lĩa mà. Povey từng giữ mục « ở nhà ông hàng sách đầu phố » ở báo *Intransigeant*. Emile Henriot thì giữ mục « Tập tức sách vở » ở báo *Temps*.

Cuốn tác phẩm mới của ông Lê Thanh đứng đắn hơn cuốn « *Tử Mỗ* » nhiều. Không còn những câu văn ầu giầy, rất ngắn mà hay xuống giọng. Công của ông trong văn-học-sử người ta chẳng quên nào. Ấy cũng vì các nhà văn chúng ta ít chịu viết nhật-ký. Cho nên những người hậu-tiến khó mà tưởng tượng được cái phong-khí hồi hai, ba mươi năm về trước. Tôi cứ tưởng tượng rằng một nhà văn như ông Nguyễn Đôn Phục mà bắt đầu viết kỷ-ức thì tập sách đó sẽ hay đến thế nào. Còn hơn là ông làm thơ.

Viết kỷ-ức ! Đó cũng là công việc nên làm của những nhà văn đã nghỉ viết từ lâu : Vũ Đình Long, Hoàng Ngọc Phách.

*

Ông Nguyễn-văn-Tổ, trong báo *Tri-Tân* hiện đương tìm những điều nhằm lẫn trong cuốn *Tĩnh Đồ Vương* của ông Phan Trần Chúc. Cứ thế thì đối với một cuốn sách của một bộ sử-học từng thu, những sự nhầm lẫn đó cũng hơi ít ỏi quá. Anh « m người ta (Trịnh-Giang và Trịnh-Doanh) mà bảo là bố con ! Những người không chuyên về khảo-cứu đọc sách của ông Phan Trần Chúc thành ra cũng nghi ngại. Mà nghi ngại cũng là phải, bởi vì muốn nhắc lại quang cảnh thời Lê Mạt, ông đã dùng những tài liệu rút trong các sách của các cố-đạo và các con buôn ngoại quốc đến xử ta hỏi đó. Mà những tài liệu đó đều không rõ lời gì. Đọc sách của ông Chúc bắt giặc tôi nhớ đến đoạn văn của Paul Valery bàn rằng sử-học là một môn đầy đầy những sự nhầm lẫn. Nhưng lấy sách của Phan-Quán để mà nhớ tới đoạn văn kia, tôi cũng lại làm một việc quá đáng.

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

XANH — TÍM

KHÔNG PHAI MẪU
= KHÔNG CẶN =

C bán tại các hàng sách,

MUA BUỒN HỎI:

Mr ĐỖ VĂN THIỆU
N° 94, Maréchal Foch — VINH

Viec quoc te

Từ ngày 16 đến 26 Février

Mặt trận Á Đông

— Trên Thái-Binh-Dương những dich hoạt động của quân Đồng Minh vẫn là căn cứ Rabaul trên đảo Nouvelle Irlande ở Đông Bắc đảo Nouvelle Bretagne, và những đảo Taron, Maloelap ở quần đảo Marshall của Nhật. Một trận thủy-chiến kịch liệt xảy ra chung quanh đảo Truk trên nhóm quần đảo Carolines rải rác ở giữa Phi luật Tân và Marshall, làm thiệt hại rất nhiều cho cả hai bên.

— Trên biên-thùy Ấn-Điển sự đoàn thứ 7 của Anh hết sức phá vỡ lòng ý vẫn không xong. Tin Nhật nói Nhật chiếm thêm được mấy ngọn ở dãy núi Mayu. Lại có tin đồn ở Ấn Độ nổi lên phong trào Lôi Anh để hưởng ứng với sự hoạt động của đội quân Quốc-gia Ấn của ông Chandra-Bose, nhất là sau khi là Gandhi từ trần ngày 22 Février tại một nhà giam ở Poola.

Mặt trận Ý

— Ở phía Nam kinh thành Rome vùng hải cảng Nettuno, từ ngày đổ bộ (22-4) đến giờ quân Mỹ mới chỉ tiến được chừng 15 cây số. Cuộc sung đột dữ dội nhất ở Camocetto. Hiện nay quân Anh Mỹ đã tiến thêm được ít nhiều sau khi chiếm Campodi Carne.

Vùng Cassino, trận thế vẫn gay go. Quân Mỹ vẫn chưa chiếm được cả thành-phố và quân đội bên đang kịch chiến ở núi Cassin.

Mặt trận Nga

— Trong khu vực sông Dniepr, phía trên, dọc sông từ Kanev xuống tới Zvenigoredka, trận đánh vô cùng kịch liệt. Tin Đức cải chính tin Nga nói đã bao vây và diệt được 40 sư-đoàn quân Đức ở vùng này.

Quá phía dưới Hồng quân tấn công rất mạnh và đã hạ được thành Krivoi-Rog ngày 22 Février.

— Ở quận Elich Nga, Hồng-quân tiến đánh thành Vitebsk rất dữ dội vẫn chưa được kết quả gì.

Phía dưới vùng Bérézina-Pripet cuộc tấn công cũng ráo riết vô cùng.

— Riêng ở phía Bắc, vùng Ilmen-Peipous, Hồng quân được thắng lợi...

Mặt trận này xuống phía Nam hồ Ilmen, ở đó Nga đã lần lượt hạ được những thành Sminsk, St, Russa, Solizi và Kholm.

Quá trên, Hồng quân đã tiến đến sát đường xe lửa Narva — Gdov — Pskoy.

Trận Narva trên cương giới Nga-Estonie là một trận vô cùng thảm-khốc...

Quân Nga vượt sang Tây-ngạn sông Narva tức là bắt đầu uy hiếp những nước Estonie và Phần Lan. Vì vậy có tin đồn Phần-Lan đã điều đình để giảng-hòa riêng với Nga. (?)

Đ. Đ. D.

Nhung buoc di ngang

(Tiếp theo trang 22)

Đêm càng khuya, mấy tiếng chó lể loi càng lâm tăng về tình tịch. Mình càng hờng ruột, lắng nghe một tiếng chuông xe đạp, đợi một lượt đi. Nàng nhớ lại lời chồng: « Nếu anh về I hũa... » Đây giờ đã là khuya lắm, có lẽ khỏi không về. Mình lại càng ti tỷ sợ. Nếu xảy ra chuyện gì? Trộm, cướp, cháy nhà? Nàng chẳng rõ chuyện gì. Có lẽ là cả ngàn ấy thôi, sợ hãi vào cả một tấn hỏa rút rất trong cảnh đêm khuya, nhà vắng.

Có lẽ nàng phải bảo cho Khôi, để từ nay chàng khỏi đi đêm. Nhưng biết nói gì, nói thế nào? Kể những nỗi sợ hãi, chỉ làm cho con người ấy buồn cười. Lại còn lo sợ cho nàng ý khác, gắt gỏng chưa biết chừng. Dù sao, bỏ một người vợ trẻ ở nơi xa lạ mà đi thâu đêm thì cũng là trái. Mình xem chớ có tuy hay gắt gỏng, nhưng cũng biết lẽ phải. Qua con thịn nộ, nhiều khi chẳng có ý ản nản. Miễn là biết nhin chồng trong những lúc đầu.

Lúc đã khuya lắm, mình vẫn nhỏ đèn, lên giường chầm chân kín. Mỗi tiếng động lại làm nàng giật mình. Nàng vẫn còn hy vọng chồng về. Nếu không, sẽ lại là vắng cả ngày mai.

Không có người khên, ngọn đèn dầu ta là mù dấp hoa, rồi tắt hẳn.

(Còn nữa)

Vấn đề giao thông và vận tải

Hai cách giao thông và vận tải quan trọng nhất là ô tô, và xe lửa đều chịu sự hạn chế ngày càng gắt gao vì thiếu dầu mỡ và các bộ phận máy móc để thay những cái bị hư hỏng. Vì vậy đường nào có xe lửa thì không có ô tô chạy, và cả hai lối vận tải đều phải giảm bớt chuyến đi lại.

Chính-phủ đã chăm lo nhiều đến vấn đề này nên cũng làm giảm được đôi phần khó khăn, như khuyến khích sự dùng máy chạy hơi than, khuyến khích và giúp đỡ việc sản chế cốp đông máy, sắm lớp ô tô và các thứ dầu chôn làm bằng mỡ cá hoặc chất thảo mộc.

Tuy nhiên, tình-hệ bất thường kéo dài, những phương sách tạm thời không đủ đối-phó với sự thiếu thốn. Những hoạt động kinh-tế bị lúng túng vì sự chuyển chỗ khó khăn. Cả đến chuyện đi lại hằng ngày trên những quãng đường hơi dài cũng làm ngại ngại những kẻ có việc cần.

Gần đây, về con đường xe lửa xuất Đông Dương, mạch máu quan trọng nhất cho cuộc sinh hoạt xứ này chạy qua bao nhiêu cầu từ Bắc vào Nam.

Sở Hòa xa vừa bí mật cho công chúng tin tức về các chuyến xe lửa tốc hành và các chuyến xe thường chạy Hanoi — Vinh.

Các chuyến xe tốc hành từ Hanoi vào Vinh hay Vinh ra chỉ chở 50 người: 20 người hạng nhất, 20 người hạng nhì và 10 người hạng ba. — Những hành khách hạng tư không được đi các chuyến tốc hành và trên quãng đường Hanoi — Vinh, Thuận-lý — Quang-trị.

Có những chuyến xe thường chạy Hanoi — Vinh, chở cả hành khách hạng tư, nhưng mỗi tuần-lễ chỉ có 3 chuyến, và phải chuyển toa (transbordement).

Hàng hóa mỗi người chỉ được mang 20 cân. Việc gửi hàng theo lối Đại tốc và Tiểu tốc chỉ nhận gửi đến những nơi không cần phải chuyển toa và theo sự hạn chế đã ấn định trước.

Cải lực lượng giúp ích của xe lửa và ô tô trong việc giao thông và vận tải đã sụt hẳn xuống. Người ta đã phải quay về những lối chuyển chỗ cò sơ, chậm chạp và nặng nề, nhưng có thể

mở mang giở được. Xe bò (người kéo và đẩy) dĩ nhiên nhiên nhậy lên địa vị quan trọng trong việc chuyển chỗ hàng hóa trên các quãng đường bốn năm mươi cây số. Giá thuê xe bò lên hai ba đồng một ngày, và đã có hãng vận tải lập ra, chuyên việc chở bằng xe bò. Dân lao động nhứt lĩnh-hệ, được hưởng một nghề để kiếm ăn: nghề kéo và đẩy xe bò. Sau hai trận ném bom 10 và 12 dicembre năm ngoái ở Hanoi xe bò còn có công dụng đặc biệt là chở những hành khách sang trọng thường là cả một gia đình buổi sáng từ tỉnh ra vùng nhà quê và buổi chiều quay về thành phố, kẻ cũng là một quang cảnh lạ mắt!

Ở những nơi có sông chảy qua sự giao thông và vận tải bằng thuyền bè trở nên tấp nập khi thuyền và trên những quãng đường hai ba mươi cây số, như đường Gia-Lâm — Phủ-từ — Bắc-Ninh, hay Công-Vọng — Văn-diễn — Thường-tín, người ta đã thấy những chiếc xe ngựa, đóng lợp bằng gỗ và vài bộ phận sắt nhứt ở đây đó, tuy siêu vẹo nhưng cũng chở những hành khách và đồ hàng. Lối chuyển chỗ bằng xe ngựa ở Bắc xưa nay ít dùng trừ ở các mạn ngựa và một vài vùng bờ (Hải-Phòng — Kiến-An) nhưng ở miền Nam thì đã thông dụng lắm.

Sau khi chiếc xe đạp đối với cá-nhân, nay là một vật quý giá vô-ngần. Nó thay hẳn ô tô thay hẳn xe lửa, trên những quãng đường-trên dưới 100 cây số, và những bộ chân quen vát chữ ngũ trên những đệm bông trong chiếc ô tô hòm bông lông nay cũng đã chịu được cuộc thử thách đường trường!

Giở lên trên là những lối giao thông đột nhiên đã được dùng tăng gấp bội để phụ thêm vào ô tô và xe lửa, trong mỗi xứ Đông-Dương.

Lối giao thông đi xuất Đông Dương mới thêm được một tiến-bộ lớn. Đó là con đường hàng không Hanoi — Saigon. Ngoài việc chở thư trước kia vẫn có, máy bay này chở cả hành khách, Tiên về không lấy gì làm cao, sự đi lại được nhanh chóng, lối giao thông này giúp ích được nhiều người có công việc cần kíp, Song số phi cơ chở hành khách có hạn mà chỗ ngồi trên máy cũng có hạn, nên lực lượng giúp ích của lối giao thông này hãy còn nhỏ hẹp.

Ta không nên quên lối vận tải bằng thuyền mà nay vẫn có trên những quãng đường bờ từ Bắc vào Nam. Những thuyền này thường hợp thành từng đoàn chở nước mắm, muối, cá khô chum vại từ Phú Quốc đến Saigon, Phan-thiết—Saigon, Phan-thiết—Huế, Thanh-hóa—Haiphong, Haiphong—Moncaay, v.v... Vì sự khó khăn trong việc vận tải bằng đường bộ, hiện nay, đã có những hội buôn mới lập chuyên việc chở hàng hóa bằng thuyền mà nay đi những quãng đường ven bờ.

**

Vấn-đề giao thông và vận tải nay đã thành cực kỳ quan trọng.

Con đường bộ từ Bắc vào Nam sẽ phải thu hẹp cái công dụng lại vào việc chở thư tín, báo chí, bưu-kiến và một số hành khách có hạn. Mà, như thế, đã phải chờ đến nhiều ở to vận tải dùng vào việc chuyên toa (transbordement). Người ta có thể nghĩ tới con đường bộ mới làm đi xuất Đông Dương qua Lào, song vấn-đề chính, hạn-giải, vẫn là vấn đề xe pháo.

Số tàu thủy đi bờ từ Bắc vào Nam không có thấm vào đâu, mà sự đi lại ở ngoài khơi lúc này cũng rất nguy hiểm.

Có lẽ lối giải quyết thiết thực nhất là lối giao thông bằng một đội thuyền buôn đi ven bờ (cabotage) có tổ chức.

Hiện nay có những bờ thuyền mình ở trên đã nói xong chúng chỉ đi từng quãng, không có tổ chức gì chung. Không đủ bộ phận gì về sự nhanh chóng và chắc chắn. Tư nhân cần phải hợp sức thành những hãng thông thương bằng thuyền buôn. Chính-phủ sẽ định những luật lệ trong việc giao thông mới này, giúp đỡ và kiểm soát sự hoạt động của những hãng vận tải ấy.

Về việc giao thông trên những quãng đường trên

đó 100 cây số, người ta nên tổ chức lối chuyên chở bằng xe ngựa. Tôi đã nói đến những cái xe ngựa mới đóng, chở người và chở hàng, ở một vài nơi. Song đó là những « kinh doanh » rất cỡ sơ, do sức hoạt động riêng biệt của một vài người với một cái vốn nhỏ. Họ chỉ chở được chừng 60 cây số một ngày vì sức kéo mỗi ngày của ngựa chỉ có thể được bấy nhiêu. Sao không có những nhà doanh-nghiệp sẵn tiền lập hẳn những hãng vận tải bằng xe ngựa, đóng những xe văng chài to tát, chia những quãng đường dài thành những trạm để thay đổi ngựa kéo? Họ sợ số vốn bỏ ra nhiều mà không chóng thu về được chăng? Đó thuộc về việc tính toán chuyên nghiệp tới khi nào biết, nhưng có điều chắc chắn là tình-thế đặc biệt này sẽ không ngăn quai và người bỏ vốn sẽ có đủ thì giờ để thu lợi.

Tôi còn nghĩ đến một lối xe kéo chung bình chở được bốn năm người, thêm vài bộ hành hóa, mỗi giờ đi được 15 cây số trên những quãng đường dài chừng năm, sáu chục cây. Đó là lối xe « ro-môoc » mà tôi (cùng với mấy người bạn) đã dùng ở Siem Reap (Cà Mên) ở thềm Angkor. Nó là cái xe đạp người ta ngồi ở đằng sau một cái ro-môoc cũng có hai bánh như xe « cyclo » của ta, nhưng bề dài gấp đôi, có 4 chỗ ngồi rộng rãi. Nó tiện hơn xe « cyclo » là vì: 1) hai phần nó rời hẳn, nếu tháo ro-môoc thì dùng riêng được cái xe đạp — 2) ro-môoc mắc đằng sau nên chở được nhiều người vì sức kéo bao giờ cũng mạnh hơn sức đẩy. Nó không được tiện khi đi ở trong thành phố vì dài quá, nhưng đi đường trường thì không trở ngại gì cả.

Tôi tưởng lối xe này có thể đem phổ thông ở mọi nơi. Nó có thể giúp ích cho sự đi lại trong khi ô-tô rất hiếm, và việc đóng lối xe này cũng dễ dàng nếu người ta có sẵn bánh của những xe đạp hỏng. Đó có thể là mối lợi cho các nhà chuyên cho thuê xe đạp.

VŨ ĐÌNH HÒE

Luc Tài Tu' của Tàu

Nguyễn KIM THÁNH THÂN nhà phê-bình danh tiếng nhất nước Tàu cho rằng sách tài tử trong thiên hạ có 6 thứ là :

NAM HOA của Trang Tử, **LY TAO** của Khuất Nguyên, **SỬ KÝ** của Tư mã Thiên, **LUẬT THI** tức **THƠ** của Đỗ-Phủ cùng là **THỦY HỮ** và **MÁI TÂY** tức **TÂY SƯƠNG KÝ**

Trong năm 1944-45 này nhà xuất bản TÂN VIỆT sẽ lần lượt cho ra mắt độc giả, 6 bộ sách quý ấy.

ĐÃ CÓ BÁN : MÁI TÂY và LY TAO do Nhượng-Tổng dịch

ĐANG IN : THƠ ĐỖ PHỦ, SỬ KÝ, NAM HOA và THỦY HỮ

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

— 29, Rue Lamblot — HANOI —

SÁCH GIÁ TRỊ :

Phiếm luận về Auguste

Comte.	3\$00
Trăng Ma Lầu Việt	3,20
Siêu hình học	5,00
Triết học Descartes	4,50
Luận Tàng.	1,50
Học thuyết Freud	2,50
Phật giáo triết học	3,50
Vàng Sao.	2,50
Thi hào Tagore.	4,80

Cần thêm nhiều đại lý ở vùng SAIGON — CHOLON.

THỜI ĐẠI XUẤT BẢN CỤC

Xuất bản những sách có tính cách giáo dục
= và có giá trị đặc biệt về văn chương =
TỔNG PHÁT HÀNH SÁCH VÀ BÁO CHÍ
= 214, Hàng Bông — HANOI =

ĐÃ CÓ BÁN

VANG BÔNG MỘT THỜI

Văn phẩm đặc sắc nhất của NGUYỄN-TUÂN
Ấn bản nhất định — Sách in hai màu
Hai tranh phụ bản của NGUYỄN-ĐỖ-CUNG

Giá bán :

- Loại thường.. .. 5\$00
- Loại dỏ lụa.. .. 20,00
- Loại vergé 30,00

ĐÃ XUẤT BẢN :

TRAI NƯỚC NAM LÂM GI

của HOÀNG-ĐẠO-THUỶ.. .. (hết)

TRUYỆN CỎ NƯỚC NAM

của Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC (hết)

BỐN BẢN CHÈO CỎ của nhạc sĩ

NGUYỄN XUÂN KHOÁT.. .. (mỗi bản 0\$20)

SẼ XUẤT BẢN :

HƠI THỞ TÀN (Nguyễn Hồng)

CO HỌC TINH HOA (Nguyễn văn Ngọc)

Ả Q CHÍNH TRUYỆN (Đặng thái Mai dịch)

NGÂM NGÃI TÌM TRẦM (Thanh Tịnh)

LA SƠN PHU TỬ (Hoàng xuân Hân)

NGUYỄN (Nguyễn Tuân)

GỬI HƯƠNG CHO GIÓ — TRƯỜNG CA

và **PHẦN THÔNG VẮNG** (Xuân Diệu)

KỶ NIỆM NGUYỄN DU

Về việc in và bán sách NGUYỄN-DU
VĂN-HOÀ-PHO đề kỷ-niệm nhà thi-hào
NGUYỄN-DU, Hội Quảng-trị Huế chủ-
trương, hiện kết quả như sau này :

Số tiền thu về các sách đã bán là : 5.370\$93

Trừ các món phí-lòn, số tiền hiện còn
là : 2.585 \$ 18.

Vì còn nhiều sách bán chưa hết, vì vật
liệu kiến-trúc hiện giá quá đắt và khó mua,
ban Trị-Sự Hội Quảng-trị định hoãn việc
dựng bia kỷ-niệm, chờ bán thêm sách và
chờ cơ hội dễ dàng hơn. Hiện nay kiều búa
kỷ-niệm đã nhờ được nhà kiến-trúc Nguyễn-
gia-Đức vẽ giúp đánh phắt đề dành đó, còn
số tiền hiện thu được thời Hội Quảng-trị đã
mua BONS DU TRÉSOR : 1 cái 1000\$00, và
15 cái 100\$00.

Hội Quảng-trị kính cáo

Sách mới

Chúng tôi nhận được :

1.) Thơ văn mùa xuân — Đại La xuất bản.

2.) Sách Hồng số 30 — Đời Nay xuất bản.

3.) Hà-Nội ba mươi sáu phố phường
của Thạch Lam — Đời Nay

4.) Lệ Dung của Nguyễn công Hoan — Đời Mới
xuất bản

5.) Lược khảo thơ Trung quốc của Doãn kể
Thiện — Mai Lĩnh xuất bản

6.) Trung quốc sử lược của Phan Khoang —
Mai lĩnh xuất bản

7.) Kim tự tháp của Phan quang Đỉnh — Cộng
Lực xuất bản.

8.) Bước đường mới của Dương Ngà — Cộng
Lực xuất bản.

9.) Sách hoa mai số 33, 33 — Cộng Lực xuất
bản.

10.) Phong lưu đồng ruộng của Toan Ánh —
Anh Hoa xuất bản.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng
bạn đọc.

Vì một lẽ riêng bài BỤI ĐẤT KINH của
NGUYỄN T JÂN kỳ này không đăng được.

MỘT QUYỀN SÁCH LÀM CHẤN ĐỘNG DƯ LUẬN

Lịch sử

ĐẠO THIÊN CHÚA ở Việt nam

Xuất bản dưới quyền duyệt-chính của cha L. Cadière và cụ Ứng Hòa

Tựa của đức Khâm-Mạng tòa Thánh ở Đông-dương

Bản viết của
HỒNG LAM

Chủ giải của
cha **L. CADIÈRE**

Đã có bán khắp các hiệu sách lớn và ở :

Dai-việt thiên ban

===== 50 bis, Avenue Khải-Định — HUẾ =====
— Mua sách xin gửi 8\$00 tiền sách và 1\$20 tiền gửi và tiền gói —

MỚI XUẤT BẢN

Le Capitaine DO HUU VI

PAR S. E. PHẠM - QUỲNH
MINISTRE DE L'INTÉRIEUR

Một cuốn sách hay của thư-xã Alexandre de Rhodes, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của NGUYỄN TIẾN LÃNG. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu.

Một áng văn kiệt-tác của cụ Thượng PHẠM, mà trong thời-buổi này, thanh-niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngâm đọc và suy nghĩ.

Bản thường . . . 0\$50

Bản giấy tốt . . . 3, 00

Cước . . . 0, 32

Tổng phát hành ;

MAI LÍNH

21, rue des Pipes, HANOI